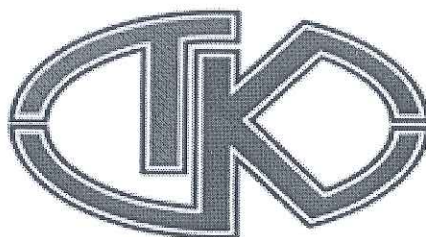


THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH

(Căn cứ công văn số 6906/UBCK-GSDC ngày 23/11/2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

I. CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200383737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 07/03/2000, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 12/11/2020
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng
- Điện thoại: 0225 3877996 Fax: 0225 3878956
- Website: <http://www.tungkhanh.com.vn> Email: tungkhanh@tungkhanh.com.vn
- Vốn điều lệ đã góp tại ngày 31/12/2020: 46.300.000.000 đồng (*Bốn mươi sáu tỷ ba trăm triệu đồng*)

II. PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Họ và tên: Bùi Thị Nhung
- Chức vụ: Người được ủy quyền CBTT
- Điện thoại: 0902033655

MỤC LỤC

CÁC KHÁI NIỆM.....	3
I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG	4
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:.....	4
2. Cơ cấu tổ chức công ty.....	11
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	13
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông	19
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty đại chúng, những công ty mà Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng.....	20
6. Hoạt động kinh doanh	21
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	43
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	46
9. Chính sách đối với người lao động	49
10. Chính sách cổ tức	51
11. Tình hình hoạt động tài chính	52
12. Tài sản	57
13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo	62
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng.....	65
15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh	65
16. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty (nếu có)	66
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY	66
1. Hội đồng quản trị	66
2. Ban kiểm soát.....	72
3. Giám đốc và các cán bộ quản lý	74
4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty	75
5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.....	76
7. Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan.....	80
III. PHỤ LỤC	81
IV. CAM KẾT	81

CÁC KHÁI NIỆM

- 1/ **“Công ty”/ “Tùng Khánh”/ “Công ty Tùng Khánh”**: Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0200383737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 07/03/2000, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 12/11/2020.
- 2/ **“Bản Thông tin tóm tắt”**: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
- 3/ **“CTCP”**: Công ty cổ phần.
- 4/ **“Cổ phần”**: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- 5/ **“Cổ phiếu”**: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một cổ phần của Công ty.
- 6/ **“Cổ đông”**: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
- 7/ **“Cổ tức”**: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính.
- 8/ **“Điều lệ công ty”**: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- 9/ **“Đại hội đồng cổ đông”/ “ĐHĐCĐ”**: Đại hội đồng cổ đông của Công ty.
- 10/ **“Hội đồng quản trị”/ “HDQT”**: Hội đồng quản trị của Công ty.
- 11/ **“Ban kiểm soát”/ “BKS”**: Ban kiểm soát của Công ty.
- 12/ **“Ban Giám đốc”/ “BGĐ”**: Ban Giám đốc của Công ty.
- 13/ **“Vốn điều lệ”**: Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ.
- 14/ **“UBCK”/ “UBCKNN”**: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

020
ÔNG
PH
XUẤT
ÔNG M
G KHÁN
Y CỐ F

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

1.1. Giới thiệu chung về công ty đại chúng

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH
Tên tiếng anh : TUNG KHANH TRADING AND MANUFACTURING JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt : TUNG KHANH TRAMACO
Trụ sở chính : Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng
Điện thoại : 0225 3877996
Email : tungkhanh@tungkhanh.com.vn
Website : www.tungkhanh.com.vn
Logo :



(Nhãn hiệu hình này của Công ty đã được Cục Sở Hữu Trí Tuệ thuộc Bộ Khoa Học và Công nghệ bảo hộ đăng ký nhãn hiệu theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số: 54716, cấp ngày 11/06/2004)

Vốn điều lệ đăng ký : 46.300.000.000 đồng (Bốn mươi sáu tỷ ba trăm triệu đồng)

Vốn điều lệ thực góp : 46.300.000.000 đồng (Bốn mươi sáu tỷ ba trăm triệu đồng)

- Người đại diện : Ông Phạm Tùng Linh – Giám đốc

theo pháp luật

- Giấy ĐKKD : Số 0200383737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 03 năm 2000, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 12 tháng 11 năm 2020

- Ngành nghề kinh doanh chính

	Nội dung ngành nghề	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; Sản xuất lan can thang inox, cửa nhôm cuốn; Sản xuất ống và các sản phẩm bằng inox	2599 (chính)
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất thông thường (trừ hóa	4669

	chất Nhà nước cấm kinh doanh); Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ	
3	Sản phẩm giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: Sản phẩm giường, tủ, bàn, ghế và đồ dụng nội thất tương tự	3100
4	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đệm các loại	3290
5	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	2592
6	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình	4330
7	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn vải; Bán buôn hàng may mặc; Bán buôn thảm, đệm, chăn màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; Bán buôn giày dép Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	4641

- Ngày đáp ứng điều kiện công ty đại chúng

: Ngày 30/05/2018, Công ty đáp ứng đủ điều kiện Công ty đại chúng (về vốn điều lệ 60 tỷ đồng, số lượng 104 cổ đông và Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: 2.965.000 cổ phiếu (tương ứng tỷ lệ 49,42% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết).

: Ngày 23/11/2020, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký công ty đại chúng theo Công văn số 6906/UBCK-GSDC.

1.2. Quá trình hình thành, phát triển

Cột mốc thời gian

Sự kiện quan trọng

Năm 1998	Các cổ đông sáng lập phát triển hoạt động kinh doanh cá nhân, ý tưởng thành lập doanh nghiệp nhen nhóm.
07/03/2000	Công ty chính thức được thành lập dưới tên Công ty TNHH Tùng Khánh, mã số doanh nghiệp: 0202000013, giấy đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, vốn điều lệ 5 tỷ đồng, với 2 thành viên sáng lập là ông Phạm Văn Hiếu (tỷ lệ góp vốn là 60%), và bà Bùi Thị Yến (tỷ lệ góp vốn là 40%)
16/10/2017	Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty cổ phần, và lấy tên là Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh, mã số doanh nghiệp: 0200383737, vốn điều lệ tăng lên 30 tỷ đồng.

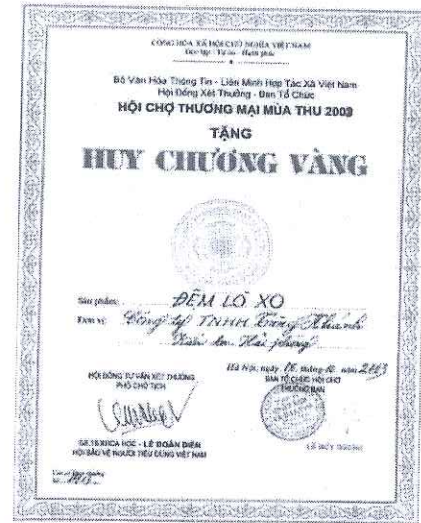
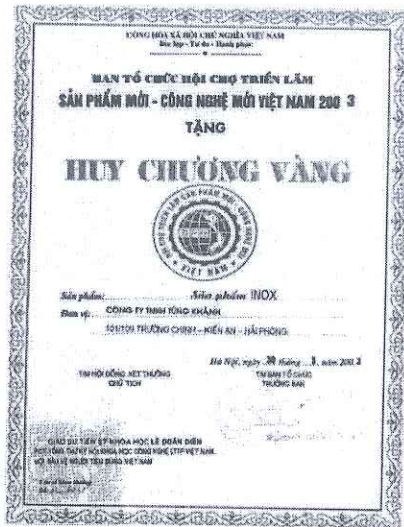
29/03/2018	Công ty tăng vốn điều lệ lên 60 tỷ đồng, nhằm bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh và tài trợ cho kế hoạch hợp tác của ban lãnh đạo.
29/05/2019	Công ty xin đăng ký giảm vốn điều lệ xuống 46,3 tỷ đồng, để phù hợp với thực trạng nguồn vốn và sử dụng vốn của Công ty.
23/11/2020	Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gửi công văn số: 6906/UBCK-GSĐC ngày 23/11/2020 về việc đăng ký công ty đại chúng của CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh.
06/01/2021	Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số: 03/2021/GCNCP-VSD của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

Sau hơn 21 năm hoạt động và phát triển, Tùng Khánh đã trở thành một thương hiệu uy tín trong lĩnh vực sản xuất đồ inox, và đệm cao cấp trên thị trường trong, và ngoài nước. Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh là một trong những công ty, có tốc độ phát triển nhanh, và có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển của địa phương. Sản phẩm inox và đệm, đặc biệt là dòng sản phẩm đồ gia dụng và thiết bị nhà bếp inox, phụ kiện trang trí nội ngoại thất, và đệm Hàn Quốc cao cấp của Tùng Khánh đã có mặt trên nhiều tỉnh thành như Nam Định, Thái Bình, Quảng Ninh, Ninh Bình, Lạng Sơn, Hà Nam, Bắc Ninh,... và đã được xuất khẩu sang các nước có các tiêu chuẩn khó tính như: Nhật Bản, Mỹ, và một số nước ASEAN. Bên cạnh hoạt động sản xuất, mảng hoạt động thương mại của Tùng Khánh cũng dần khẳng định hình ảnh trên thị trường với chất lượng và sự linh hoạt, hỗ trợ đắc lực trong việc lưu thông hàng hóa cho mảng hoạt động sản xuất. Sản phẩm của Tùng Khánh đã đạt được rất nhiều huy chương, bằng khen tại các hội trợ, triển lãm xúc tiến thương mại trên toàn quốc, thương hiệu Tùng Khánh đã được Cục sở hữu trí tuệ cấp đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa, góp phần khẳng định tên tuổi của mình trên thị trường.

Vốn điều lệ thực góp của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh, theo Báo cáo tài chính kiểm toán 2020, là 46.300.000.0000 đồng (*Bốn mươi sáu tỷ ba trăm triệu đồng*).

Hình 1 - Một số bằng khen và huy chương cho sản phẩm của Công ty

...N:
CÔ
CÔ
AN X
HUY
TÙNG
GTY



1.3. Giới thiệu về cổ phiếu đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Mã chứng khoán: TKG
- Tổng số chứng khoán ĐKGD: 4.630.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật hoặc của tổ chức Đăng ký giao dịch: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ của Công ty).
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài: tuân theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán. Hiện tại, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty tối đa là 49%.



- Tại thời điểm ngày 05/03/2021, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh. là 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ).

1.4. Quá trình tăng vốn điều lệ

Từ khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH sang CTCP, Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh đã thực hiện hai (02) lần thay đổi vốn, trong đó, có một (01) lần tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng lên 60 tỷ đồng, và một (01) lần giảm vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng xuống 46,3 tỷ đồng cụ thể như sau:

Bảng 1. Quá trình thay đổi vốn điều lệ

Lần	Thời gian tăng vốn	VĐL trước tăng/giảm vốn (tỷ đồng)	VĐL tăng thêm/giảm đi (tỷ đồng)	VĐL sau tăng/giảm vốn (tỷ đồng)	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ sở pháp lý
1	2018	30	30	60	Tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, và Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 0502/2018/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 05/02/2018 của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh thông qua việc tăng vốn điều lệ lên 60 tỷ đồng; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200383737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 5 (trước khi tăng vốn); - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200383737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 6 (sau khi tăng vốn).
2	2019	60	13,7	46,3	Giảm vốn theo tỷ lệ cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 2704/2019/NQ-ĐHĐCĐ/TKG ban hành ngày 27/04/2019 của Công ty cổ phần Sản xuất và

					<p>Thương mại Tùng Khánh thông qua việc giảm vốn điều lệ xuống còn 46,3 tỷ đồng;</p> <p>- Nghị quyết HĐQT số 0605/2019/NQ-HĐQT/TKG ban hành ngày 06/05/2019 của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh báo cáo việc giảm vốn điều lệ xuống còn 46,3 tỷ đồng;</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200383737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 7.</p>
--	--	--	--	--	--

Thông tin chi tiết về việc tăng/giảm vốn điều lệ của Công ty:

1.4.1. Đợt tăng vốn từ 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng) lên 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng) trong năm 2018.

❖ Chi tiết đợt tăng vốn:

- Vốn điều lệ trước khi phát hành : 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng)
- Vốn điều lệ sau khi phát hành : 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng)
- Hình thức phát hành : Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Hình thức tăng vốn : Nguồn vốn khác của chủ sở hữu chia cho các cổ đông hiện hữu: 3.122.627.511 đồng; phát hành ra công chúng cho các cổ đông: 26.877.372.489 đồng.
- Số lượng cổ đông hiện hữu : bốn (04) cổ đông
- Tỷ lệ phát hành : 1 : 1
- Số lượng cổ đông mua : bốn (04) cổ đông
- Số lượng cổ phần phát hành : 3.000.000 cổ phần (Ba triệu cổ phần)
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phần
- Giá trị phát hành thực mua : 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng)
- Ngày hoàn thành đợt phát hành : 29/03/2018
- Mục đích tăng vốn
1. Nguồn vốn khác của chủ sở hữu với giá trị tương đương 3.122.627.511 đồng cho các cổ đông hiện hữu;
 2. Các cổ đông góp vốn với giá trị 26.877.372.489 đồng sẽ được sử dụng để:
 - a. Góp thêm vốn hợp tác kinh doanh với ông Phạm Văn Hiếu trong Dự án “Đầu tư chuyển đổi vùng ruộng trũng để hoang hóa Trung Dũng tại cụm Gò Công III, phường Phù Liên sang mô hình kinh tế trang tại tổng hợp (V.A.C)” tại cụm

Thực tế sử dụng vốn

- Gò Công III, phường Phù Liên, quận Kiến An, Hải Phòng: 6.000.000.000 (Sáu tỷ) đồng (như vậy, cộng với số vốn đã góp hợp tác kinh doanh do cân trừ công nợ của ông Phạm Văn Hiếu đối với Công ty trị giá 7,7 tỷ đồng, Tùng Khánh đã góp tổng cộng 13,7 tỷ đồng vào dự án này);
- b. Sử dụng để tạm ứng tiền hàng cho các nhà cung ứng theo các hợp đồng đã được ký kết: 19.935.000.000 (Mười chín tỷ chín trăm ba mươi lăm triệu) đồng;
- c. Sử dụng để bổ sung vốn lưu động: 942.372.489 đồng.
1. Số vốn đã sử dụng để tạm ứng tiền hàng cho các nhà cung ứng theo các hợp đồng đã ký kết và bổ sung vốn lưu động của Công ty là: 20.877.372.489 đồng;
2. Số vốn từ đợt phát hành đã chuyển cho ông Phạm Văn Hiếu nhằm góp vào dự án hợp tác kinh doanh là 6.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, dự án đã không đảm bảo đúng tiến độ đã cam kết, cho nên, sau khi thỏa thuận, ông Phạm Văn Hiếu đã chuyển trả phần vốn góp cho Công ty và Công ty đã mua lại cổ phần nhằm làm giảm vốn, để đảm bảo lợi ích của các cổ đông.

Sau đợt tăng vốn, Công ty vẫn có bốn (04) cổ đông với cơ cấu vốn thực góp như sau:

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần trước tăng vốn	Số lượng cổ phần tăng thêm	Số lượng cổ phần sau tăng vốn	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Văn Hiếu	810.000	810.000	1.620.000	16.200	27,00
2	Bùi Thị Yến	750.000	750.000	1.500.000	15.000	25,00
3	Phạm Thị Khánh Ly	660.000	660.000	1.320.000	13.200	22,00
4	Phạm Tùng Linh	780.000	780.000	1.560.000	15.600	26,00
	TỔNG CỘNG	3.000.000	3.000.000	6.000.000	60.000	100

1.4.2. Đợt giảm vốn từ 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng) xuống 46.300.000.000 đồng (Bốn mươi sáu tỷ ba trăm triệu đồng) trong năm 2019.

❖ Chi tiết đợt giảm vốn:

- Vốn điều lệ trước khi giảm vốn : 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng)
- Vốn điều lệ sau khi giảm vốn : 46.300.000.000 đồng (Bốn mươi sáu tỷ ba trăm triệu đồng)
- Hình thức giảm vốn : Mua lại cổ phần của cổ đông hiện hữu
- Số lượng cổ đông hiện hữu : Một trăm linh bốn (104) cổ đông
- Tỷ lệ giảm vốn : 100 : 22,83 (cổ đông sở hữu một trăm (100) cổ phần có quyền bán lại cho Công ty 22,83 cổ phần của mình)

Số lượng cổ phần bán lại	: 1.370.000 cổ phần (<i>Một triệu ba trăm bảy mươi nghìn cổ phần</i>)
Số lượng cổ phần thực bán lại	: 1.370.000 cổ phần (<i>Một triệu ba trăm bảy mươi nghìn cổ phần</i>)
Giá mua lại	: 10.000 đồng/cổ phần
Giá trị thực mua lại	: 13.700.000.000 đồng (<i>Mười ba tỷ bảy trăm triệu đồng</i>)
Ngày hoàn thành đợt mua lại	: 01/06/2019
Mục đích giảm vốn	: Do chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và ông Phạm Văn Hiếu trong Dự án “Cải tạo khai hoang vùng ruộng trũng sang mô hình sinh thái tổ chức sự kiện và trang trại (VAC)” tại cụm Gò Công III, phường Phù Liễn, quận Kiến An, Hải Phòng, có tổng trị giá: 13.700.000.000 (<i>Mười ba tỷ bảy trăm triệu</i>) đồng. Do xét trên tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh thực tế, Công ty chưa có nhu cầu sử dụng số lượng nguồn vốn trên Công ty nên quyết định mua lại cổ phần của cổ đông hiện hữu. và đăng ký giảm vốn nhằm đảm bảo lợi ích của các cổ đông, tính hiệu quả trong việc sử dụng vốn của Công ty, và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp.
Nguồn tiền dùng để mua lại	: sử dụng nguồn tiền thu hồi từ ông Phạm Văn Hiếu, do việc chấm dứt hợp tác kinh doanh với Công ty.

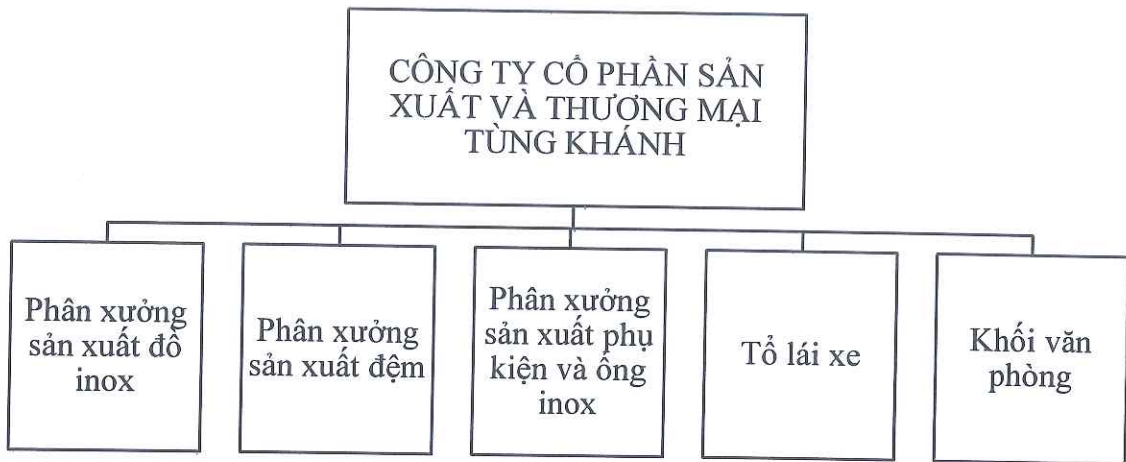
- 1.5. Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày Công ty đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng**
- Ngày Công ty đáp ứng điều kiện công ty đại chúng: 30/05/2018
 - Số lượng cổ đông không phải là cổ đông lớn: 100 cổ đông
 - Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: 2.965.000 cổ phiếu (tương ứng tỷ lệ 49,42% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết)
 - Ngày được UBCKNN chấp thuận là công ty đại chúng: 23/11/2020.

2. Cơ cấu tổ chức công ty

2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức

Hình 2 – Sơ đồ cơ cấu tổ chức





2.2. Diễn giải sơ đồ

❖ Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh

Trụ sở chính: Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng.

Giấy phép kinh doanh số 0200383737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 07/03/2000, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 12/11/2020.

❖ Phân xưởng sản xuất inox

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng.

Diện tích: 2.040 m².

Chức năng – nhiệm vụ chính: sản xuất các sản phẩm đồ gia dụng, thiết bị nhà bếp và đồ trang trí nội ngoại thất bằng inox. Các sản phẩm chính của phân xưởng có thể kể tới: bàn, ghế, trạm bát, giá để đồ, mắc quần áo; công xép điện tử, công barie, công cờ, lan can, tay vịn cầu thang.

❖ Phân xưởng sản xuất đệm

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng.

Diện tích: 586,5 m².

Chức năng – nhiệm vụ chính: thực hiện các công đoạn sản xuất đệm, và lưu trữ đệm vào kho.

❖ Phân xưởng sản xuất phụ kiện và ống inox

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng.

Diện tích: 637,5 m².

Chức năng – nhiệm vụ chính: sản xuất các sản phẩm phụ kiện, các chi tiết rời, để chuyển lên cho xưởng sản xuất inox.

❖ Tổ lái xe

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng.

Chức năng – nhiệm vụ chính: phụ trách quản lý, và chăm sóc xe của Công ty, điều phối các xe vận chuyển hàng hóa và xe công vụ theo kế hoạch hoạt động của các phòng ban/đơn vị trong toàn Công ty.

❖ **Khối văn phòng**

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng.

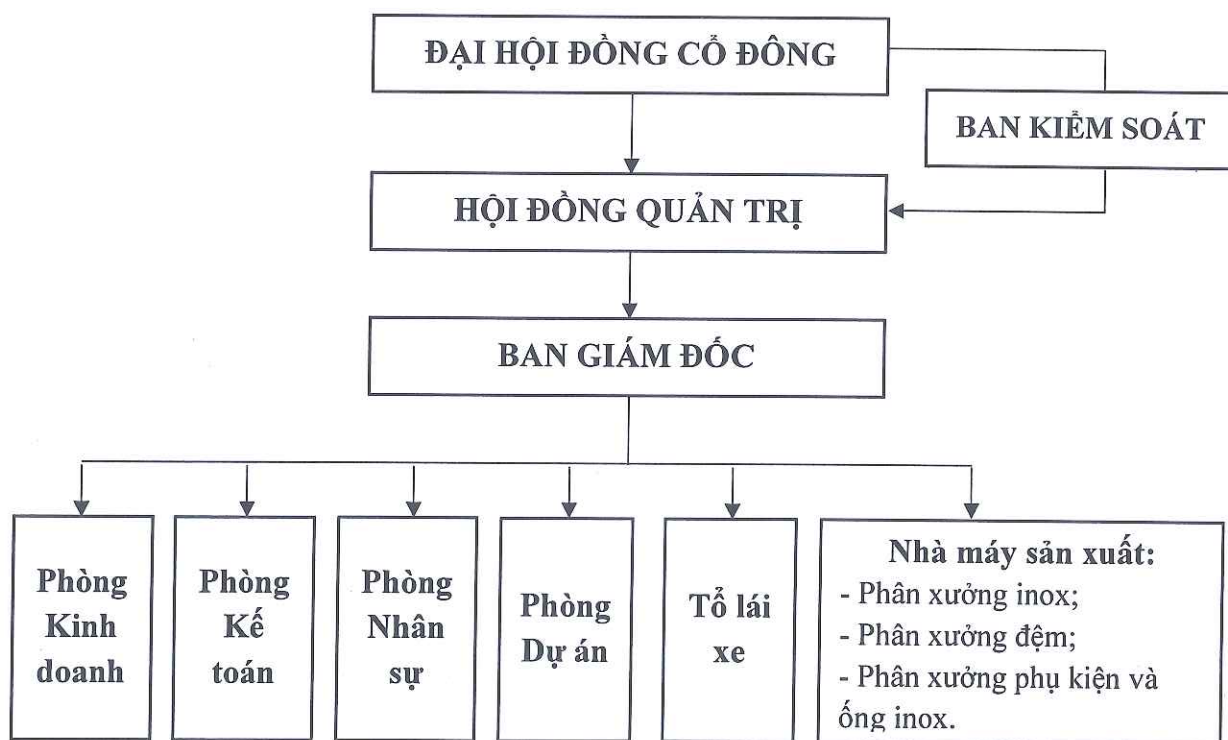
Diện tích sử dụng: 260 m².

Khối văn phòng được đặt tại tòa nhà trụ sở chính của Công ty, có nhiệm vụ quản lý, và thực hiện các chức năng chuyên biệt của mình.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

3.1. Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý

Hình 3 – Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý



3.2. Diễn giải sơ đồ

3.2.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty, và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất ở Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ công ty và văn bản pháp luật liên quan, bao gồm các quyền và nghĩa vụ cơ bản sau:

- Thông qua định hướng phát triển của công ty;

- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty.

3.2.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý Công ty, gồm có 06 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty và văn bản pháp luật có liên quan, bao gồm các quyền và nghĩa vụ cơ bản sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

Cơ cấu HĐQT của Công ty như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bùi Thị Yên	Chủ tịch HĐQT
2	Phạm Văn Hiếu	Thành viên HĐQT không điều hành
3	Phạm Thị Khánh Ly	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Phạm Tùng Linh	Thành viên HĐQT
5	Đào Nhật Trường	Thành viên HĐQT độc lập
6	Phạm Xuân Trường	Thành viên HĐQT độc lập

3.2.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát (BKS) do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ, được quy định tại Điều lệ Công ty và văn bản pháp luật liên quan, bao gồm các quyền và nghĩa vụ cơ bản sau:

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty;
- Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty;
- Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

Cơ cấu Ban kiểm soát của Công ty như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Thị Liên	Trưởng BKS
2	Nguyễn Thị Hương	Thành viên BKS



3.2.4. Ban Giám đốc

Ban Giám đốc là những người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của Ban Giám đốc bao gồm:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Các quyền và nghĩa vụ khác được HĐQT giao.

Cơ cấu Ban Giám đốc của Công ty như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Phạm Tùng Linh	Giám đốc
2	Bùi Thị Yến	Phó Giám đốc

3.2.5. Các phòng ban chức năng

❖ Phòng kinh doanh

Phòng Kinh doanh có các chức năng và nhiệm vụ sau:

- Kết hợp với các phân xưởng sản xuất, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn và dài hạn theo kế hoạch phát triển của Công ty;
- Phối hợp giữa các phân xưởng và đội xe để lập kế hoạch logistics hiệu quả;
- Nghiên cứu thị trường, đưa ra các dự báo về tình hình biến động cung - cầu trên thị trường, đưa ra các giải pháp đối phó, tham mưu cho ban lãnh đạo, và báo cáo về kết quả kinh doanh;
- Đề xuất xây dựng chính sách và quản lý trực tiếp mạng lưới nhà phân phối;
- Lập kế hoạch và triển khai các chiến lược marketing đồng bộ; Xây dựng thời gian biểu cho lãnh đạo và trực tiếp tham gia các hội trợ, hội thảo giới thiệu sản phẩm và xúc tiến thương mại; Xây dựng hình ảnh và mối quan hệ với khách hàng mục tiêu.

1:020
 CÔNG T
 PHÂN
 XUẤT
 ĐNG/M
 KHANH
 Y CỐ PH

- Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty để lên kế hoạch, chuẩn bị hồ sơ tài liệu, và tham mưu cho ban lãnh đạo Công ty trong việc đàm phán và ký kết các hợp đồng kinh tế, đồng thời, xây dựng kế hoạch hợp tác, liên doanh đầu tư với các đối tác – khách hàng trong và ngoài nước.

❖ Phòng kế toán

Phòng Kế toán có các chức năng và nhiệm vụ sau:

- Thu thập, lưu trữ các chứng từ, sổ sách kế toán; theo dõi, tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty, báo cáo trực tiếp lên Ban Giám đốc;
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ;
- Lập và thông qua báo cáo tình hình tài chính doanh nghiệp, giúp Giám đốc có cơ sở để chỉ đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền;
- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính;
- Phân tích tình hình tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tham mưu những biện pháp và chỉ tiêu kế hoạch tài chính cho Ban Giám đốc.

❖ Phòng nhân sự

Phòng Nhân sự có các chức năng và nhiệm vụ sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy nhân sự trong Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho cán bộ công nhân viên;
- Thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động, phù hợp với Luật lao động được Nhà nước ban hành;
- Quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty;
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty;
- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng lao động, kế hoạch quỹ tiền lương hàng năm;
- Tham mưu cho Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động vào các phòng ban, đơn vị của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc;
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại;
- Quản lý toàn bộ tài sản, trang thiết bị tại văn phòng trụ sở của Công ty;
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Giám đốc Công ty.

❖ Phòng dự án

Phòng Dự án có các chức năng và nhiệm vụ sau:

- Giúp ban lãnh đạo quản lý vốn đầu tư và hoạt động xây dựng tại tất cả các dự án mà Công ty là chủ đầu tư hoặc hợp tác đầu tư, thực hiện. Công tác chính là kết hợp song song với chủ đầu tư thực hiện giám sát, kiểm tra chất lượng thi công, xác nhận khối lượng hoàn thành, các khối lượng phát sinh và số lượng thanh toán của từng dự án;
- Nghiên cứu và lập hồ sơ dự thầu, và số vốn bỏ thầu cho các dự án cung cấp sản phẩm inox và đệm;
- Chuẩn bị đầy đủ các thủ tục, tài liệu, lập hồ sơ mời dự thầu, đàm phán, tổ chức lựa chọn nhà thầu phụ cho các dự án và ký kết với các nhà thầu phụ;
- Quản lý hoạt động của các nhà thầu phụ, đảm bảo tiến độ cung cấp thiết bị, sản phẩm; lắp đặt, và thi công cho các dự án: khối lượng, chất lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường;
- Các công việc khác được ban lãnh đạo giao phó.

❖ Tổ lái xe

Tổ lái xe có chức năng và nhiệm vụ sau:

- Quản lý và bảo dưỡng đội ngũ xe của Công ty; báo cáo với Phòng Kế toán về các chi phí phát sinh như chi phí cầu đường, xăng xe, bảo dưỡng, ...;
- Kết hợp với Phòng Kinh doanh và các phân xưởng sản xuất, lập kế hoạch vận chuyển hàng hóa theo yêu cầu của các đơn hàng;
- Phối hợp với Phòng Nhân sự, lập thời gian biểu điều phối xe công tác và di chuyển cho các lãnh đạo và nhân viên Công ty;
- Các công việc khác được ban lãnh đạo giao phó.

❖ Nhà máy sản xuất

Các phân xưởng sản xuất có chức năng và nhiệm vụ chung như sau:

- Điều phối sản xuất: điều phối hoạt động sản xuất của các tổ sản xuất trong Công ty căn cứ vào năng lực thiết bị, tính chuyên môn hóa và lợi thế của từng phân xưởng sản xuất; Quản lý, cân đối năng lực máy móc thiết bị, công cụ và thực hiện việc điều chuyển, một cách hợp lý để bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh thông suốt trong toàn Công ty;
- Quản lý và đặt kế hoạch cho việc kiểm tra, bảo dưỡng kỹ thuật định kỳ các máy móc trang thiết bị trong quá trình sản xuất; đề xuất các phương án thay thế, bổ sung khi thấy cần thiết;
- Xây dựng kế hoạch đầu tư mua mới hoặc nâng cấp trang thiết bị máy móc ngắn hạn, và trung hạn cho Công ty; Nghiên cứu kỹ thuật công nghệ sản xuất tiên tiến trên thế giới trong lĩnh vực sản xuất của Công ty, phù hợp với trình độ lao động và tình hình tài chính của Công ty, đề xuất phương án đầu tư chuyển giao hoặc cải tiến công nghệ nhằm nâng cao năng suất lao động; tìm kiếm và lựa chọn các đối tác chuyển giao công nghệ có uy tín, hỗ trợ ban lãnh đạo Công ty trong việc đàm phán với các đối tác công nghệ kỹ thuật;

- Hướng dẫn, và phối hợp với các phòng ban/đơn vị xây dựng kế hoạch hằng năm, và kế hoạch trung hạn, để xây dựng đồng bộ các kế hoạch sản xuất kinh doanh; Xây dựng và theo dõi tiến độ thực hiện quá trình sản xuất, phân công và giao kế hoạch cho các phân xưởng và đơn vị trực thuộc phân xưởng sản xuất;
- Xây dựng bộ tiêu chuẩn KPI làm cơ sở cho Giám đốc Công ty giao kế hoạch và xét duyệt hoàn thành kế hoạch của các đơn vị sản xuất trực thuộc; hỗ trợ Giám đốc kiểm tra và tổng hợp tình hình trong quá trình thực hiện kế hoạch, đề xuất các biện pháp xử lý cần thiết khi có vấn đề phát sinh;
- Hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát việc triển khai áp dụng bộ hệ thống quản lý chất lượng của Việt Nam (hệ thống ISO) và trên thế giới vào hoạt động sản xuất của Công ty; tham mưu cho ban lãnh đạo Công ty trong việc hiệu chỉnh bộ hệ thống quản lý chất lượng cho phù hợp với tình hình thực tiễn hoạt động của Công ty nếu cần thiết.
- Thống kê báo cáo theo chế độ, viết lệnh sản xuất, nhập – xuất kho, bảo quản, lưu trữ hồ sơ thuộc phòng quản lý; Tuyệt đối giữ gìn bí mật thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỷ lệ nắm giữ)

4.1. Cơ cấu cổ đông tại ngày 05/03/2021

Cơ cấu cổ đông tại ngày 05/03/2021 cụ thể như sau:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài			
1	Trong nước	0	0	0%
1.1	Nhà nước	0	0	0%
1.2	Tổ chức	0	0	0%
1.3	Cá nhân	103	4.630.000	100%
2	Nước ngoài	0	0	0%
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0%
2.2	Cá nhân	0	0	0%
	Tổng cộng	103	4.630.000	100%

D.N: C
CỘNG
CỔ PH
ÁN XU
HƯƠNG
TÙNG KH
3 TY C

II	Cổ đông lớn, cổ đông khác			
1	Cổ đông lớn	0	0	0%
2	Cổ đông khác	0	0	0%
	Tổng cộng	0	0	0%

(Nguồn: Danh sách cổ đông CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh chốt tại ngày 05/03/2021)

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

Tính đến thời điểm ngày 05/03/2021, Công ty không có cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên.

4.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ

Căn cứ Khoản 3, Điều 120, Luật Doanh nghiệp 2020: “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó”. Như vậy, sau thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ. Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần vào ngày 16 tháng 10 năm 2017. Vậy nên, tính đến thời điểm hiện tại, cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập trên không bị hạn chế chuyển nhượng.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty đại chúng, những công ty mà Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng

5.1. Công ty mẹ

(Không có)

5.2. Công ty con

(Không có)

5.3. Công ty liên kết

(Không có)



6. Hoạt động kinh doanh

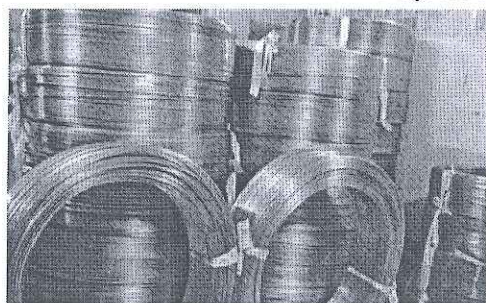
Hoạt động sản xuất kinh doanh chính mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty là kinh doanh thương mại là bán các mặt hàng inox, thép không gỉ, vải tấm, hóa chất hạt nhựa...) và hoạt động sản xuất các mặt hàng truyền thống như đồ gia dụng, các sản phẩm trang trí nội ngoại thất bằng chất liệu inox và thép không gỉ, cụ thể:

- Thứ nhất là lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm inox (với sản phẩm chính là các sản phẩm đồ gia dụng, thiết bị nhà bếp, đồ trang trí nội – ngoại thất, hệ thống kiểm soát ra vào, công xếp điện, ngoài ra còn có cả thiết bị y tế) và sản phẩm đệm Hàn Quốc cao cấp;
- Thứ hai là lĩnh vực thương mại một số mặt hàng khác như: thép không gỉ, vải tấm, hóa chất, hạt nhựa, gần đây là găng tay (nylon và cao su) và máy móc sản xuất nhỏ.

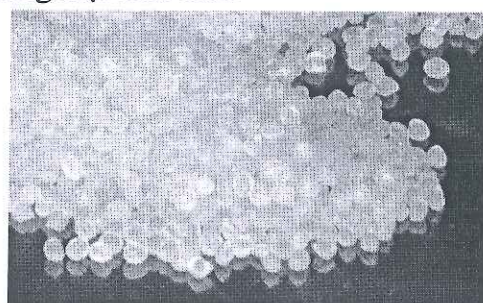
❖ Hoạt động thương mại

Hoạt động thương mại đã đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh chung của Công ty. Những năm trước đây, hoạt động thương mại của Công ty tập trung chủ yếu vào các mặt hàng inox truyền thống như ống inox, thanh inox rỗng – đặc, tấm inox, và các sản phẩm do chính Công ty sản xuất như các sản phẩm đồ gia dụng, bếp ăn (chập bát, giá để đồ, móc quần áo,...); các sản phẩm trang trí nội – ngoại thất (tay nắm, lan can, cầu thang, hàng rào, cửa...). Trong thời gian gần đây, các mặt hàng thương mại của Công ty đã được đa dạng hóa hơn với các sản phẩm thêm như: thép không gỉ, vải tấm, hóa chất, hạt nhựa. Trong thời gian dịch bệnh Covid – 19 hoành hành, ban lãnh đạo Công ty đã chuyển hướng, bổ sung thêm một số mặt hàng thương mại mới như: xuất khẩu găng tay cao su và găng tay nylon, dùng trong ngành y tế và ngành thực phẩm, sang các nước Châu Âu, với các thị trường chính là Tây Ban Nha, Bỉ, và Israel; và nhập khẩu máy móc sản xuất khẩu trang để bán tại thị trường trong nước. Riêng về các sản phẩm găng tay, Công ty thực hiện thu mua từ các nhà máy sản xuất, sau đó thực hiện phân loại và đóng gói bao bì thành phẩm, chia lô để xuất khẩu. Trong năm 2020, các sản phẩm này đang giữ vai trò quan trọng, trở thành nhân tố chính trong hoạt động thương mại của Công ty, đóng góp nhiều hơn vào doanh thu thuần của Công ty và được ghi nhận là doanh thu bán hàng.

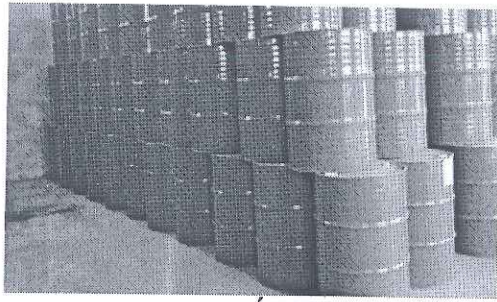
Hình 4 – Một số sản phẩm thương mại tiêu biểu



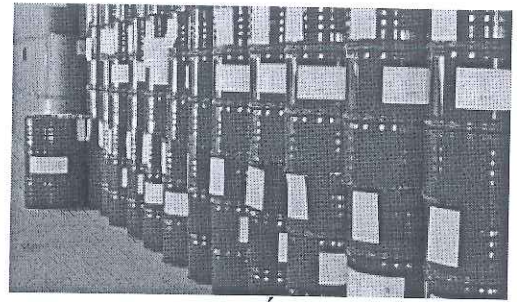
Thép không gỉ dạng dây cuộn



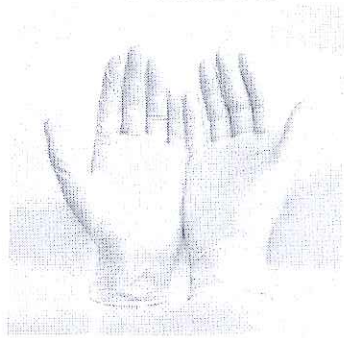
Hạt nhựa LDPE



Hóa chất PPG



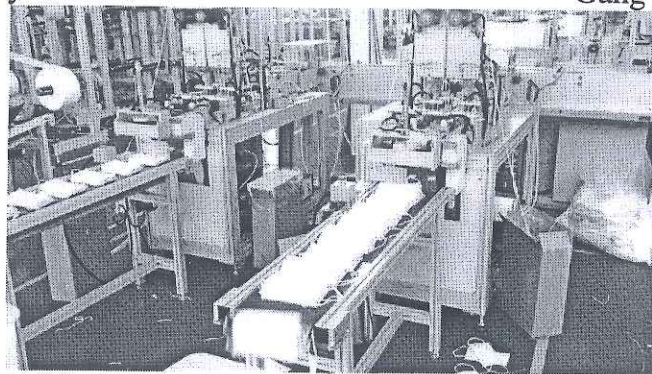
Hóa chất TDI



Găng tay cao su



Găng tay nylon

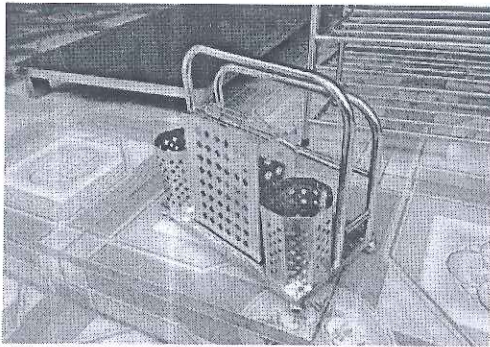


Máy sản xuất khẩu trang

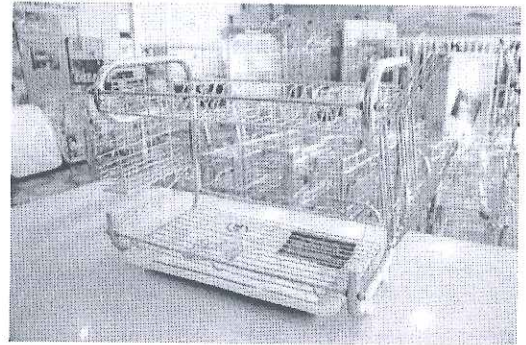
❖ Hoạt động sản xuất

Hoạt động sản xuất đồ inox là hoạt động sản xuất truyền thống của Công ty, xuyên suốt từ khi thành lập cho tới nay, với các sản phẩm inox đã được khẳng định trên thị trường, đặc biệt là đồ gia dụng và đồ bếp chạn bát, ống đũa, mắc quần áo, bàn ghế. Bên cạnh đó, Công ty cũng sản xuất đưa ra thị trường các sản phẩm trang trí nội – ngoại thất như: lan can, cầu thang, hàng rào, cửa, khung cửa và một số phụ kiện inox khác. Trong những năm gần đây, xu thế áp dụng công nghệ vào sản phẩm đã thúc đẩy Công ty cho ra đời các dòng sản phẩm mới với tính tự động cao như công xếp điện, công mở cánh và trượt tự động, barrier tự động. Ngoài ra, hoạt động sản xuất đậm cao cấp theo phong cách và công nghệ Hàn Quốc đang được triển khai tại Công ty, tuy nhiên, sản lượng sản xuất và tiêu thụ của sản phẩm này thường không cao do thị trường cạnh tranh khá gay gắt, với rất nhiều thương hiệu và mẫu mã đa dạng.

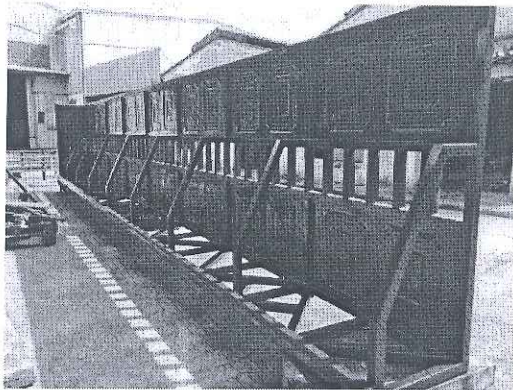
Hình 5 – Một số sản phẩm sản xuất tiêu biểu



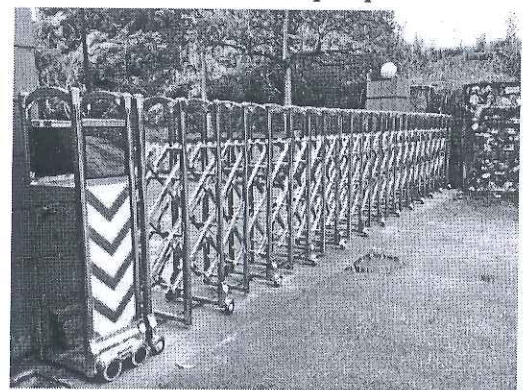
Kệ dao thớt, đĩa đa năng



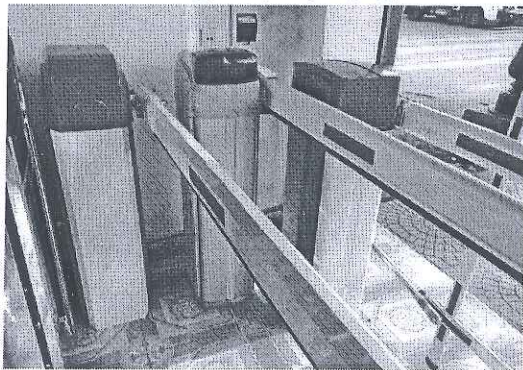
Trạm bát lắp ráp



Cổng trượt tự động



Cổng xếp điện



Barrier tự động



Đệm cao cấp Hàn Quốc

Danh sách một số công trình tiêu biểu của Công ty

STT	Tên công trình	Địa chỉ	Sản phẩm/Hạng mục
1	Nhà máy LG – Trảng Duệ	Khu CN Trảng Duệ, huyện An Dương, Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Hải Phòng	Hàng rào thép, hàng rào lưới, cổng xếp điện và cổng barie tự động, nội thất inox
2	Nhà máy LG Display –	Khu CN Trảng Duệ, huyện	Nội thất và thang inox, hàng

	Tràng Duệ	An Dương, Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Hải Phòng	rào thép, cửa cuốn, cửa thép chống cháy
3	Nhà máy Comet Vietnam	Khu CN Tràng Duệ, Huyện An Dương, Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Hải Phòng	Hàng rào thép sơn tĩnh điện, hàng rào lưới, cột cờ, cổng xếp điện tự động, nội thất inox, cửa cuốn, cửa thép chống cháy
4	CTCP Hoàng Hải (Nhà máy bao bì carton)	Khu CN Tràng Duệ, huyện An Dương, Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Hải Phòng	Cửa cuốn
5	UBND quận Dương Kinh, Hải Phòng	Đường Mạc Đăng Doanh, quận Dương Kinh, Hải Phòng	Tay vịn inox, cổng xếp điện tự động, hàng rào thép
6	CTCP nhựa Thiếu Niên Tiền Phong	Số 222 đường Mạc Đăng Doanh, quận Dương Kinh, Hải Phòng	Tay vịn inox kính, nội thất inox
7	Trung tâm bồi dưỡng nghiệp vụ công an Hải Phòng	Số 2 đường Lý Thánh Tông, quận Đồ Sơn, Hải Phòng	Giàn không gian, bếp ăn công nghiệp
8	CTCP Tân Cảng 189	Tòa nhà số 189 đường Đình Vũ, quận Hải An, Hải Phòng	Giàn không gian
9	Nhà máy Chillisin	KCN VSIP, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng	Nội thất Inox
10	Đại học Hàng hải Việt Nam	Số 484 Lạch Tray, quận Ngô Quyền, Hải Phòng	Quả địa cầu Inox
11	Nhà máy bia Hải Phòng	Số 85 đường Lê Duẩn, quận Kiến An, Hải Phòng	Máng nước Inox
12	UBND Thành phố Hải Dương	Đường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Giàn không gian, nội thất Inox
13	Bệnh viện đa khoa 115	Đặc khu y tế Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Cổng xếp điện, cổng barie tự động
14	Công an PCCC tỉnh Hưng Yên	Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Cổng xếp điện tự động



15	CTCP Đầu tư Khoáng sản - Than Đông Bắc – Bộ Quốc Phòng	Phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Cổng xếp điện tự động
16	Công ty TNHH Jahwa Vina (Ký túc xá)	Xã Định Trung, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Lan can Inox
17	Bảo tàng Phòng không – Không quân	Số 173 đường Trường Chinh, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Cửa sổ kính
18	Công ty TNHH VIKOM	KCN Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Cổng xếp điện tự động
19	Tổng công ty May 10	Số 765 đường Nguyễn Văn Linh, quận Long Biên, Hà Nội	Cổng xếp điện, cổng barie tự động
20	Nhà ga hàng hóa ALS	Sân bay Nội Bài, Hà Nội	Cổng Barie tự động

6.1. Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ

❖ Doanh thu thuần

Bảng 1 – Cơ cấu doanh thu thuần

DVT giá trị: đồng

STT	Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1	Doanh thu bán hàng hóa	107.236.582.445	79,90	107.264.961.940	81,41
2	Doanh thu bán thành phẩm	26.794.661.357	19,96	23.478.390.572	17,82
3	Doanh thu khác	192.450.000	0,14	1.122.543.916	0,85
4	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	(99.385.926)	0,08
	TỔNG CỘNG	134.223.693.802	100	131.766.510.502	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

Doanh thu bán hàng hóa là doanh thu thương mại chính của Công ty và luôn đóng góp tỷ trọng cao nhất trong tổng doanh thu thuần. Hàng hóa là những sản phẩm không đi qua công đoạn gia công, sản xuất của Công ty, hay nói cách khác Công ty không tạo thêm giá trị cho sản phẩm mà chỉ thuần thương mại, nhập hàng từ nhà cung ứng và xuất hàng bán cho khách hàng, như: thép không gỉ dạng dây cuộn, hạt nhựa LDPE, hóa chất PPG và TDI, gang tay và máy sản xuất khẩu trang. Trong khi đó, doanh thu bán thành phẩm là doanh thu từ việc kinh doanh các sản phẩm do chính Công ty sản xuất và gia công, kết tinh giá trị vào trong từng sản phẩm với các mặt hàng đồ

inox (đồ gia dụng, đồ nhà bếp, đồ trang trí nội – ngoại thất, và các phụ kiện đi kèm khác); và đệm cao cấp Hàn Quốc. Doanh thu khác của Công ty đến từ các hoạt động phụ khác, như cung cấp dịch vụ liên quan đến dự án thi công công trình xây dựng, và thuê logistics cho các đơn hàng xuất khẩu của đối tác nước ngoài.

Tổng doanh thu thuần năm 2019, của Công ty, đạt trên 134,2 tỷ đồng, trong đó, Doanh thu bán hàng hóa chiếm tỷ trọng cao nhất, gần 80%, ở mức trên 107,2 tỷ đồng; tiếp theo là Doanh thu bán thành phẩm, xấp xỉ 26,8 tỷ đồng, đóng góp gần 20% vào doanh thu thuần; phần còn lại là doanh thu khác, chiếm tỷ trọng không đáng kể. Năm 2020, tổng doanh thu thuần của Công ty chỉ đạt 131,76 tỷ đồng, giảm nhẹ so với con số năm 2019, khoảng 1,83%, tuy nhiên lại vượt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã đề ra, 1,36%. Xét về thứ tự tỷ trọng đóng góp vào doanh thu thuần của hai mảng hoạt động không có nhiều thay đổi, doanh thu bán hàng hóa vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất với khoảng 81,41%, tăng 1,51% so với con số của năm liền trước, trong khi đó, tỷ trọng doanh thu bán thành phẩm giảm xuống còn 17,82%. Doanh thu khác chỉ đóng góp 0,85% vào doanh thu thuần, được ghi nhận chủ yếu từ hoạt động hỗ trợ logistics và xuất khẩu cho các đối tác nước ngoài. Khoản giảm trừ doanh thu là do các khoản giảm giá hàng bán để kích cầu trong năm. Năm 2020, dịch bệnh Covid – 19 bùng phát từ đầu năm, và ngày càng diễn biến xấu, đã ảnh hưởng tiêu cực tới nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Do đó, việc doanh thu thuần sụt giảm so với năm 2019, đã được ban lãnh đạo Công ty dự báo và lên kế hoạch để ứng phó, cũng như điều chỉnh các mục tiêu cho phù hợp. Nghiên cứu thấy nhu cầu sản xuất khẩu trang trong nước tăng mạnh từ đầu năm, Công ty đã tận dụng nguồn cung ứng từ các đối tác nước ngoài để nhập khẩu các loại máy móc sản xuất khẩu trang, chủ yếu là từ Trung Quốc, để phân phối cho các khách hàng trong nước. Bên cạnh đó, nhu cầu sử dụng đồ bảo hộ y tế cũng tăng cao do dịch bệnh, đặc biệt là sản phẩm găng tay cao su và găng tay nylon cao cấp. Nắm bắt được cơ hội này, ban lãnh đạo Công ty quyết định mở rộng thêm mảng thương mại xuất khẩu găng tay sang thị trường Châu Âu, chủ yếu là Cộng hòa Séc, Israel, và Phần Lan. Chính nhờ những quyết sách này, doanh thu của Công ty được giữ ổn định trong thời kỳ khó khăn của nền kinh tế, đảm bảo công việc và thu nhập cho người lao động và cán bộ nhân viên của Công ty.

❖ Lợi nhuận gộp

Bảng 2 – Cơ cấu lợi nhuận gộp

ĐVT giá trị: đồng

STT	Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
		Giá trị	%Tỷ lệ LNG/ DTT	Giá trị	%Tỷ lệ LNG/ DTT

1	LNG từ bán hàng hóa	505.163.764	0,38	7.638.163.110	5,80
2	LNG từ bán thành phẩm	7.722.560.687	5,75	4.682.142.367	3,55
3	LNG từ doanh thu khác	192.450.000	0,14	201.645.105	0,15
4	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	(99.385.926)	0,08
	TỔNG CỘNG	8.420.174.451	6,27	12.422.564.656	9,42

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

Trong cơ cấu tổng lợi nhuận gộp: lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm luôn có xu hướng cao hơn so với lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa, đây là đặc trưng của hai mảng hoạt động sản xuất và thương mại, khi mà biên lợi nhuận của hoạt động sản xuất thường cao hơn nhiều so với biên lợi nhuận của hoạt động thương mại. Lợi nhuận gộp năm 2019 đạt mức trên 8,42 tỷ đồng. Trong đó, lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm chiếm tỷ trọng trên 91,71% tổng lợi nhuận gộp, lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa chỉ chiếm gần 6%, còn lại là lợi nhuận từ doanh thu khác.

Năm 2020 là một năm đặc biệt, khi biên lợi nhuận của các mặt hàng thương mại, hỗ trợ chống dịch Covid như: găng tay cao su, găng tay nylon cao cấp, và máy sản xuất khẩu trang, ở mức tương đối cao, đã giúp cho lợi nhuận gộp của hoạt động bán hàng hóa tăng mạnh, tăng 1.511% so với con số của năm 2019, và chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng lợi nhuận gộp 2020, trên 61,46%. Kết quả này là hoàn toàn khác so với đặc điểm của mảng hoạt động, và cũng khác so thống kê của những năm trước đó, nhờ đó là Tổng lợi nhuận gộp năm 2020 tăng 47,53% so với con số của năm 2019. Lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm năm 2020 đạt trên 4,68 tỷ đồng, đóng góp khoảng 37,69% vào tổng lợi nhuận gộp. Chính nhờ những bước chuyển mình sang lĩnh vực xuất khẩu găng tay cao su, găng tay nylon, và nhập khẩu máy móc thiết bị sản xuất khẩu trang, bên cạnh việc duy trì những mặt hàng cốt lõi đã tạo cho lợi nhuận gộp của Công ty nói chung, và lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa nói riêng, có bước đột phá như trên.

6.2. Nguyên vật liệu đầu vào

❖ Nguyên vật liệu và các yếu tố đầu vào chủ yếu

Mỗi mảng hoạt động của Công ty đều yêu cầu nguyên vật liệu và các yếu tố đầu vào khác nhau, chuyên biệt cho từng lĩnh vực. Đối với hoạt động thương mại, các yếu tố đầu vào chủ yếu chính là các sản phẩm mà Công ty cung cấp ra thị trường như: thép không gỉ cuộn, vải tấm, hạt nhựa LDPE, và các loại hóa chất (PPG, TDI,...), găng tay cao su, găng tay nylon, và máy sản xuất khẩu trang. Đối với hoạt động sản xuất các sản phẩm đồ gia dụng, thiết bị nhà bếp, đồ trang trí nội ngoại thất vật liệu inox, nguyên vật liệu và các yếu tố đầu vào chủ yếu bao gồm: inox thanh - tấm, và các sản phẩm inox đã được gia công nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất đồ inox; và bông, vải, lò xo, khung đệm,... để phục vụ cho hoạt động sản xuất đệm Hàn Quốc cao cấp. Các nguyên vật liệu đầu vào này đều được Công ty kiểm tra kỹ lưỡng chất lượng từ khâu thu mua,

D. N. ...
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỰ DO, BÌNH AN, THỊ TRƯỜNG

vận chuyển, đến lưu kho, giúp đảm bảo nguồn nguyên liệu tốt nhất cho khâu sản xuất, nhằm cho ra những sản phẩm chất lượng cao.

Ngoài ra, các yếu tố đầu vào phụ trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty có thể kể đến bao gồm: xăng dầu cho hoạt động vận tải, và các phụ gia được sử dụng trong quá trình sản xuất các sản phẩm inox và đẽm.

❖ Sự ổn định nguồn cung

Trong các nguyên vật liệu và các yếu tố đầu vào, ban lãnh đạo Công ty luôn ưu tiên quan tâm tới nguồn cung ứng thép không gỉ, vì giá nguyên liệu thép không gỉ đóng góp tới 70% - 80% vào giá thành của sản phẩm, và sản phẩm inox chiếm tới xấp xỉ 90% tổng giá trị sản phẩm sản xuất, và 15% - 20% giá trị thương mại bán hàng hóa của Công ty.

Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, năng lực sản xuất của ngành thép Việt Nam trong giai đoạn 5 năm trở lại đây đạt trung bình 30 triệu tấn/năm, đứng đầu Đông Nam Á, trong khi ngành thép mới hoạt động khoảng 70% công suất thiết kế. Tính riêng về thép không gỉ (inox), gồm cả cán nóng và cán nguội, nhu cầu tiêu dùng trong nước khoảng 490.000 tấn/năm, nhưng năng lực sản xuất đã lên tới trên 700.000 tấn/năm, khiến rất nhiều nhà máy phải hoạt động cầm chừng, chỉ khoảng 55% - 65% so với công suất thiết kế. Theo Hiệp hội thép Việt Nam (VSA), tình hình chung 10 tháng đầu năm 2020, sản xuất thép các loại đạt trên 20,91 triệu tấn, bán hàng thép các loại đạt trên 18,38 triệu tấn, trong đó, xuất khẩu thép các loại đạt xấp xỉ 3,64 triệu tấn. So sánh với cùng kỳ năm 2019, các con số này giảm lần lượt là 0,3%, 4,1%, và 6,4%. Tuy nhiên, con số này được đánh giá rất tích cực, thể hiện sự chỉ đạo ứng phó tích cực, kịp thời của Đảng và Nhà nước trước ảnh hưởng sâu rộng của dịch bệnh Covid - 19 đến các mặt của đời sống - kinh tế - xã hội. Cũng theo Báo cáo tình hình thị trường thép Việt Nam tháng 10/2020 và 10 tháng đầu năm 2020 của VSA, tình hình xuất nhập khẩu thép của Việt Nam đều có sự sụt giảm đáng kể so với, cụ thể là: nhập khẩu thép Việt Nam trong 09 tháng đầu năm 2020 là 10,36 triệu tấn, với giá trị là 6,05 tỷ USD, giảm 4% về lượng và 15,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019; xuất khẩu thép trong 09 tháng đầu năm 2020 là 6,997 triệu tấn, với giá trị đạt 3,65 tỷ USD, với các thị trường chính là ASEAN (chiếm 43,67% kim ngạch xuất khẩu), và Trung Quốc (chiếm 36,21%). Trong thời gian trước, qua nghiên cứu và khảo sát, ban lãnh đạo Công ty nhận định: trình độ và chất lượng sản xuất thép không gỉ của Việt nam vẫn còn thấp và thiếu ổn định, cho nên nguồn thép không gỉ nguyên liệu của Công ty chủ yếu từ các nhà nhập khẩu thép, hay nói cách khác, nguồn thép đều từ nước ngoài. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, Công ty cũng đang thăm dò và xúc tiến hợp tác với các nhà cung ứng thép không gỉ trong nước, tăng khả năng nội địa hóa, nhưng vẫn đảm bảo chất lượng cho sản phẩm đầu ra.

Hạt nhựa LDPE, hóa chất PPG và TDI đều là những nguyên vật liệu phụ thuộc rất nhiều vào nguồn nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam. Theo Hiệp hội nhựa Việt Nam (VPA), mỗi năm ngành nhựa Việt Nam có nhu cầu sử dụng khoảng 2,5 triệu tấn nguyên liệu nhựa, dự báo đến năm 2021, con số này có thể tăng gấp đôi. Tuy nhiên, nguồn cung cấp nhựa nói chung và hạt

nhựa LDPE nói riêng của Việt Nam vẫn đang phụ thuộc rất nhiều vào nguồn nhập khẩu (khoảng 70% - 80%). Kết thúc tháng 8 năm 2020, tổng kim ngạch nhập khẩu hóa chất lũy kế đạt 3,15 tỷ USD, giảm 8% so với cùng kỳ năm liền trước. Trong khi đó, tổng kim ngạch nhập khẩu nhựa và chất dẻo nguyên liệu lũy kế đạt 4,32 triệu tấn, với giá trị 6,36 tỷ USD, tăng 4% về lượng nhưng giảm 12,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, các nước xuất khẩu nhựa, chất dẻo nhiều nhất vào thị trường Việt Nam là: Singapore, Hàn Quốc, Trung Quốc. PPG và TDI là hai hóa chất chính trong sản xuất đệm bọt, đệm mút, tạo sự đàn hồi và kết dính cho sản phẩm, ngoài ra, cũng được sử dụng làm chất kết dính sơn, chất bịt kín, hiện tại, Việt Nam gần như nhập khẩu 100% hai dòng hóa chất này, và chủ yếu là nhập khẩu từ Trung Quốc.

Sản phẩm găng tay cao su, găng tay nylon, và máy móc thiết bị phục vụ sản xuất khẩu trang là những mặt hàng mới xuất hiện trong danh mục kinh doanh của Công ty trong mùa dịch bệnh Covid – 19. Đối với máy móc sản xuất khẩu trang, Trung Quốc là nước đầu tiên bùng phát dịch, chính phủ Trung Quốc khuyến khích đẩy mạnh việc sản xuất khẩu trang y tế và máy móc phục vụ sản xuất sản phẩm này, nhằm bảo vệ người dân trước đại dịch. Sau khi dịch bệnh được kiểm soát tại Trung Quốc, số lượng máy móc được đầu tư tập trung, trở nên dư thừa, và đây chính là sự đảm bảo cho nguồn cung nhập khẩu máy móc sản xuất khẩu trang của Công ty. Hơn thế nữa, các đối tác nhập khẩu của Công ty đều là những bạn hàng lâu năm, cho nên, nguồn cung cấp máy móc có độ ổn định cao về cả chất lượng, và số lượng. Tương tự như vậy, các sản phẩm găng tay cao su, và găng tay nylon phục vụ cho ngành y tế và ngành thực phẩm trọng nội địa Việt Nam cũng đang trong tình trạng dư thừa trong thời kỳ “hậu Covid”. Vì vậy, nguồn cung cho xuất khẩu găng tay của Công ty cũng được đánh giá là tương đối dồi dào và ổn định.

Đối với những nguyên liệu dựa nhiều vào nguồn nhập khẩu, Công ty luôn chú ý tới việc chăm sóc các nhà cung ứng bằng chính sách tạm ứng, trả trước tiền hàng, nhằm đảm bảo nhà cung ứng yên tâm nhập đúng số lượng và chất lượng như yêu cầu. Đồng thời, Công ty kết hợp với việc tối ưu hóa hoạt động lưu trữ, bằng các báo cáo dự báo nhu cầu sử dụng của khách hàng trong từng kỳ và cả năm, để vừa tiết kiệm được chi phí lưu kho, nhưng vẫn đảm bảo đáp ứng tốt nhất nhu cầu của các đối tác. Tuy nhiên, diễn biến phức tạp của các cuộc chiến tranh thương mại mang tính toàn cầu, cùng với việc chính phủ Việt Nam đang cân nhắc tăng thuế nhập khẩu của một số mặt hàng hóa chất, sẽ dẫn những thay đổi tiêu cực liên quan đến giá cả và số lượng nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào của Công ty. Ngoài ra, dịch bệnh Covid – 19 vẫn đang diễn biến phức tạp trên thế giới, đã tác động không nhỏ tới hoạt động xuất nhập khẩu, và giao thương giữa các quốc gia, cũng sẽ ảnh hưởng tới nguồn cung cấp nguyên vật liệu nhập ngoại của Công ty. Chính vì vậy, ban lãnh đạo Công ty luôn coi hoạt động quản trị hàng tồn kho hiệu quả là yếu tố sống còn đối với doanh nghiệp, và không ngừng nâng cao năng lực quản trị của đội ngũ quản lý và hệ thống kho vận.

Qua 20 năm hoạt động, CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh đã xây dựng cho mình một mạng lưới các nhà cung ứng nguyên vật liệu đầu vào đa dạng và phong phú, bao gồm cả các nhà

máy, xí nghiệp tư nhân đến các công ty lớn, có tiếng trên thị trường. Hệ thống các nhà cung ứng của Công ty chủ yếu nằm tại các tỉnh thành lân cận Hải Phòng, hoặc có đường giao thông thuận lợi đến nhà máy của Công ty, tạo điều kiện và đảm bảo cho hoạt động sản xuất và thương mại xuyên suốt và liên tục. Cùng với đó, Công ty luôn chú trọng tới việc thẩm định chất lượng nhà cung ứng, ký hợp đồng hợp tác dài hạn với các đối tác cung ứng có uy tín, và luôn sẵn sàng nhằm đảm bảo nguồn cung ứng đầu vào cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh cũng tiếp tục chủ động tìm kiếm thêm nhà cung ứng chất lượng, chấp nhận tăng thêm chi phí cho việc vận chuyển, mục đích là để làm dày thêm hệ thống nhà cung ứng, đảm bảo nguồn nguyên liệu chất lượng, dồi dào, ổn định giá cả nguồn nguyên vật liệu và các yếu tố đầu vào cho hoạt động kinh doanh của Công ty, từ đó tạo điều kiện cung ứng sản phẩm chất lượng tốt với giá cả hợp lý cho thị trường. Việc này cũng tạo tiền đề phát triển, chuẩn bị sẵn sàng cho việc mở rộng thị trường gần nguồn cung ứng trong tương lai, và hướng tới việc xây dựng hệ thống nhà cung ứng chiến lược, và lâu dài. Bên cạnh đó, đối với các nguyên vật liệu đầu vào phụ khác, Công ty cũng luôn có sự quan tâm đúng mức, lựa chọn những đối tác có chất lượng, nhằm đảm bảo quá trình quản trị chất lượng đạt hiệu quả tối ưu.

Bảng 3 – Danh sách nhà cung ứng tiêu biểu

STT	Tên nhà cung ứng	Địa chỉ	Sản phẩm cung ứng
1	Công ty TNHH MTV đầu tư sản xuất Gia Thành	Đường số 3, cụm CN Liên Hưng, ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà, Long An	Hạt nhựa
2	Xí nghiệp tư nhân Thành Trung	Số 99B/109 đường Trường Chinh, quận Kiến An, Hải Phòng	Sắt, thép
3	Công ty TNHH Minh Trí	KCN Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, Hà Nội	Lốp ô tô, hóa chất
4	Công ty TNHH Quốc Gia An	Số 14, ngõ 124 Khương Trung, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Thép không gỉ dạng ống và dạng cây
5	Công ty xuất nhập khẩu thương mại Khánh Linh	Số 96A đường Nguyễn Đức Cảnh, phường Cát Dài, quận Lê Chân, Hải Phòng	Thép không gỉ dạng dây, dạng cây đặc, dạng ống
6	CTCP vận tải và thương mại Veam	Số 2 đường Triệu Quốc Đạt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Thép không gỉ dạng dây cuộn, hóa chất

7	CTCP thương mại xuất nhập khẩu và kết cấu thép Hưng Thịnh Phát	Số 9/274 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, Hải Phòng	Thép không gỉ
---	--	---	---------------

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

❖ **Ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận**

Giá nguyên vật liệu và các yếu tố đầu vào luôn ảnh hưởng trực tiếp tới giá thành sản phẩm, từ đó ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Khi giá nguyên vật liệu và các yếu tố đầu vào tăng sẽ tạo áp lực khiến cho Công ty sẽ phải điều chỉnh tăng giá của sản phẩm và hàng hóa đầu ra. Đối với các khách hàng mới, việc này có thể sẽ dẫn tới lượng khách hàng mới sụt giảm đáng kể. Tuy nhiên, đối với các khách hàng cũ hoặc các đơn hàng dài hạn đang thực hiện, việc điều chỉnh tăng giá lại gặp rất nhiều khó khăn, do những chính sách ưu đãi của Công ty nhằm xây dựng mối quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng. Vì vậy, giá cả nguyên vật liệu tăng không đồng nghĩa với việc doanh thu Công ty tăng mà còn tiềm ẩn những tác động tiêu cực đến hoạt động của Công ty. Hơn thế nữa, giá nguyên vật liệu và các yếu tố đầu vào tăng sẽ kéo theo chi phí sản xuất tăng, giá vốn hàng hóa tăng và chắc chắn sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới lợi nhuận của Công ty. Hiểu rõ được vấn đề này, ban lãnh đạo Công ty luôn có chủ trương đa dạng hóa nguồn cung ứng, xây dựng mạng lưới cung ứng chiến lược và lâu dài theo nhiều cấp độ, nhằm đảm bảo ổn định giá cả, khối lượng và chất lượng các yếu tố đầu vào, kết hợp với kế hoạch dự trữ lưu kho hợp lý, hướng tới tối ưu hóa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

6.3. Chi phí

❖ **Tỷ trọng và cơ cấu chi phí**

Bảng 4 – Cơ cấu chi phí

DVT giá trị: đồng

STT	Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
		Giá trị	Tỷ lệ %/ DTT	Giá trị	Tỷ lệ %/ DTT
1	Giá vốn hàng bán	125.803.519.351	93,73	119.343.945.846	90,49
2	Chi phí bán hàng	309.885.703	0,23	2.825.141.426	2,11
3	Chi phí QLDN	2.935.879.792	2,19	3.313.380.136	2,46
4	Chi phí tài chính	2.405.859.054	1,79	2.535.799.169	2,17
5	Chi phí khác	2.592.770.903	1,93	262.649.662	0,04
	Tổng cộng	134.047.914.803	99,87	128.280.916.239	97,35

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

Tổng chi phí luôn được Công ty duy trì ở mức ổn định, đảm bảo tính cạnh tranh về giá thành sản phẩm trên thị trường, tổng chi phí năm 2020 giảm 4,28% so với con số của năm 2019, trong khi doanh thu thuần chỉ giảm nhẹ, khoảng 1,83%. Nhìn chung, cơ cấu chi phí không có nhiều sự thay đổi qua các thời kỳ. Giống như các công ty sản xuất và thương mại khác, giá vốn hàng bán vẫn luôn chiếm tỷ trọng cao nhất, tiếp theo là chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, và cuối cùng là chi phí bán hàng, chi phí khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu chi phí hoạt động của CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh. Điểm nổi bật có thể thấy khi so sánh cơ cấu chi phí giữa 2 năm là chi phí bán hàng tăng đột biến trong năm 2020, đạt mức hơn 2,8 tỷ đồng, trong khi đó, trong năm 2019 chỉ chưa đầy 310 triệu, điều này là do các hoạt động thương mại xuất nhập khẩu máy sản xuất khẩu trang, và găng tay phát sinh thêm. Ngược lại với chi phí bán hàng, khoản mục chi phí khác lại giảm đáng kể giữa 2 kỳ kế toán, giảm gần 90%.

❖ Chính sách quản lý chi phí

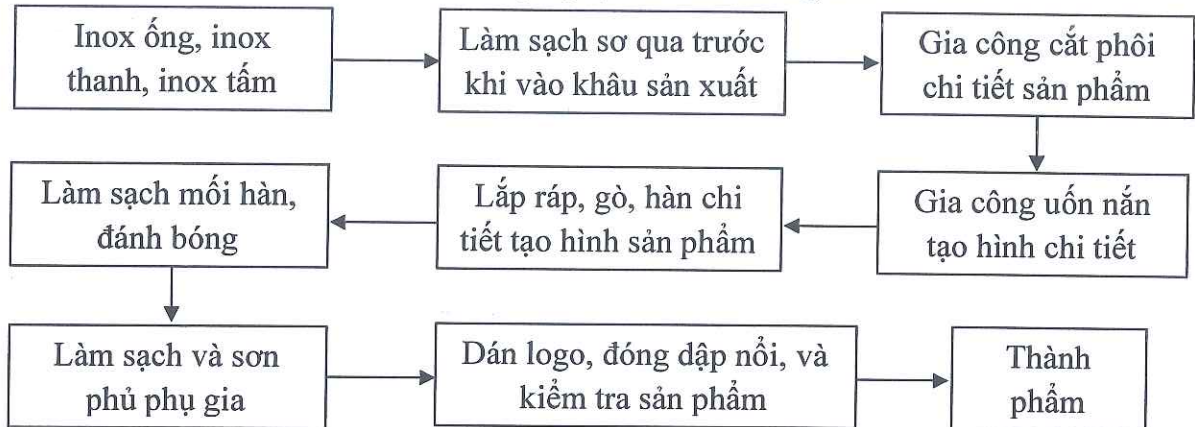
Các vấn đề về chi phí luôn được Ban lãnh đạo CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh coi trọng vì chúng ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận sản xuất kinh doanh của Công ty. Chính sách quản lý chi phí của Công ty nhất quán từ trên xuống dưới nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động. Ban lãnh đạo Công ty luôn quán triệt tinh thần tiết kiệm trong lao động sản xuất tới từng cán bộ công nhân viên của Công ty, hạn chế tối đa các chi phí không cần thiết, và không liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời, giảm định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng, nâng cao hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu, từ đó tăng cường hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty. Chủ trương xây dựng một mạng lưới các nhà cung ứng đa dạng và chất lượng đã góp phần không nhỏ vào việc bình ổn giá cả nguyên vật liệu đầu vào của Công ty, tránh những biến động sốc, tạo tiền đề cho việc đưa ra các chính sách khác hàng nhất quán, tạo niềm tin trong tâm trí người tiêu dùng và uy tín của Công ty trên thị trường. Hơn thế nữa, Công ty cũng luôn nỗ lực tiến hành kiện toàn lại bộ máy tổ chức quản lý, hoạt động theo hướng tinh gọn các phòng ban chức năng, chuyên môn hóa các khâu trong quá trình sản xuất kinh doanh, nhằm giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động.

6.4. Trình độ công nghệ

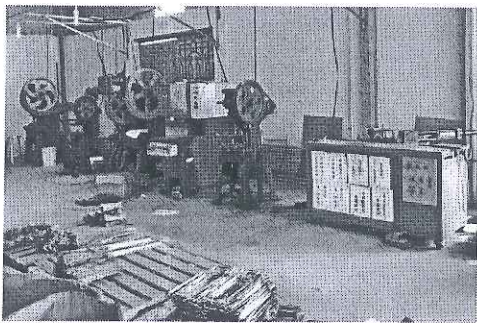
Ngành sản xuất hàng inox là một ngành hàng đòi hỏi trình độ công nghệ cao, đặc biệt là đối với hoạt động sản xuất đồ gia dụng, và đồ trang trí, yêu cầu độ chính xác cao, tinh xảo, và thẩm mỹ. Chính vì vậy, ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng vào việc tìm kiếm đầu tư vào việc cải tiến các dây chuyền, máy móc, trang thiết bị sản xuất; khuyến khích đội ngũ kỹ thuật nghiên cứu các công nghệ sản xuất tiên tiến trên thế giới và tìm kiếm giải pháp thử nghiệm, áp dụng vào hoạt động sản xuất thực tế của Công ty, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra. Công ty cũng quan tâm tới việc áp dụng quy trình tự động hóa vào quá trình sản xuất của mình, nhằm giảm thiểu tối đa những sai sót mang yếu tố con người. Công ty chuẩn hóa quy trình công nghệ sản

xuất đối với từng sản phẩm, nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra đồng đều, và phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

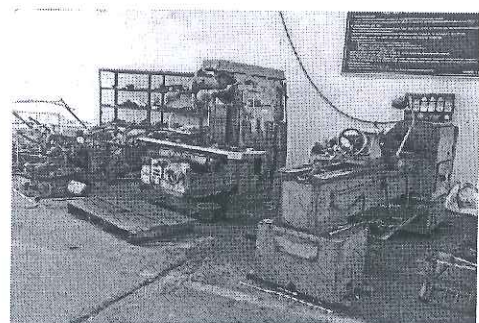
Hình 6 – Quy trình công nghệ sản xuất chung cho đồ inox



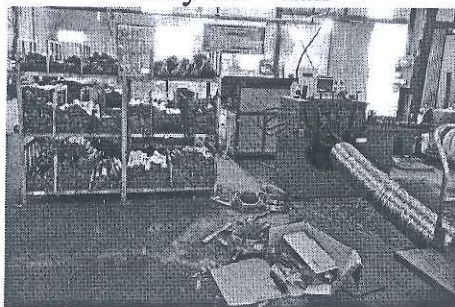
Một số hình ảnh máy móc sản xuất đồ inox



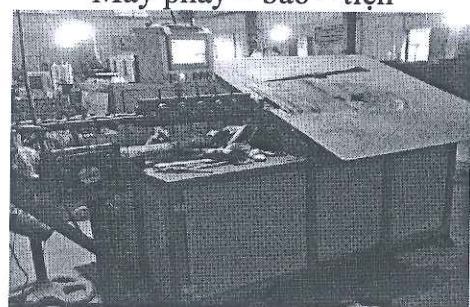
Máy cắt – hàn



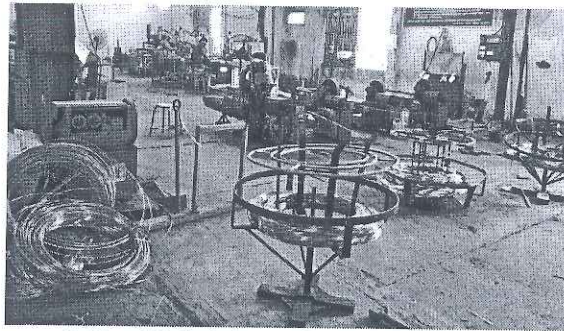
Máy phay – bào – tiện



Hệ thống duỗi – uốn góc chi tiết inox



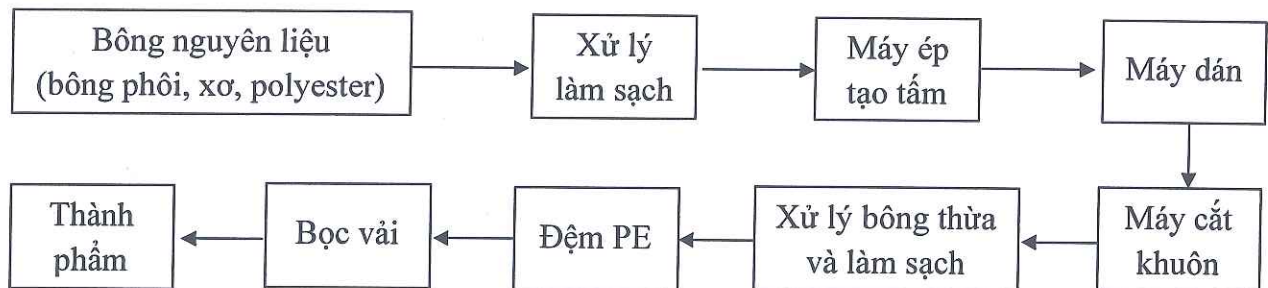
Máy uốn góc chi tiết inox



Máy đánh bóng và cuộn sợi inox

Sản xuất đệm Hàn Quốc, tuy không yêu cầu cao về công nghệ sản xuất, nhưng cũng cần sử dụng đến thiết bị máy móc để tạo ra sản phẩm có chất lượng. Với mục tiêu sản xuất đệm cao cấp, ban lãnh đạo Công ty chủ trương nhập khẩu máy móc trong dây chuyền sản xuất đệm của mình, tạo khả năng tự động hóa cao, với công nghệ sản xuất của Hàn Quốc. Bên cạnh đó, đội ngũ kỹ thuật của Công ty cũng không ngừng tìm tòi cải tiến công nghệ và mẫu mã sản phẩm để nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng tốt nhất thị yếu của khách hàng tại các thị trường mục tiêu.

Hình 7 – Quy trình công nghệ sản xuất chung cho đệm



Bảng 5 – Danh sách một số thiết bị máy móc đang được sử dụng tại Công ty

STT	Trang Thiết Bị	Số lượng
Thiết bị máy móc sản xuất		
1	Máy cuộn công suất 18.7 kw	01
2	Máy đánh bóng inox	01
3	Máy làm nhỏ đầu ống inox	01
4	Máy tạo hoa trên ống inox	02
5	Máy cắt mút tròn	01
6	Máy cuộn công suất 22.2 kw	01
7	Máy uốn lò xo	01

3137

8	Bộ máy chập hàn, uốn	01
9	Bộ máy máy nén khí + hàn chập	01
10	Máy chập đầu dây	02
11	Máy tuốt dây	02
12	Máy làm vòng tròn	01
13	Máy hàn chập	03
14	Máy hàn chập có ben ngang	01
15	Máy hàn chập có tự động	01
16	Máy uốn 2D	01
17	Máy may trần ADM 90	01
18	Máy tuốt dây thẳng	02
19	Máy xén kim loại hiệu Yunnan	01
20	Máy xén kim loại hiệu NP	01
21	Máy ép thủy lực hiệu YAYA	03
22	Máy hàn kim loại hiệu daien	03
23	Máy đọt dập kim loại hiệu Dobby	05
24	Máy uốn ống hiệu GZHCH	02
25	Máy phay kim loại hiệu Gambin	01
26	Máy ép thủy lực hiệu AMADA	01
	Thiết bị đo lường cơ khí chính xác	
27	Thước cặp 1/20 (Nhật)	10
28	Thước cặp 1/10 (Nhật)	15
29	Thước cặp điện tử	08
30	Panme	08
31	Thước đo sâu	02
32	Thước đo vuông	04
33	Cân điện tử 50 tấn	01
	Phương tiện vận tải, bốc xếp	
34	Xe tải 1.25 tấn	03
35	Xe tải nhỏ	01
36	Xe nâng	01
37	Xe đi kinh doanh công tác	02

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

6.5. *Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới*

Trong những năm gần đây, các đồ dùng làm bằng inox, được đánh giá cao về độ bền và đẹp, đang trở nên phổ biến tại các gia đình Việt Nam, thay thế dần các sản phẩm làm từ gỗ và nhựa. Ngành sản xuất đồ inox, được các chuyên gia kinh tế đánh giá, là một trong các ngành có tốc độ phát triển nhanh, với nhiều cải tiến về mẫu mã, và công nghệ sản xuất, để đáp ứng với nhu cầu phong phú của khách hàng. Chính vì vậy, việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới đang trở thành lợi thế cạnh tranh quan trọng cho các doanh nghiệp hoạt động trong ngành. Việc cải tiến công nghệ, đưa ra những sản phẩm mới với đặc tính vượt trội, mẫu mã bắt mắt, phù hợp với nhu cầu, và thị yếu của khách hàng, sẽ giúp các doanh nghiệp nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường. Nhận thức được vấn đề, ban lãnh đạo Công ty cũng có những chính sách thiết thực, nhằm thúc đẩy việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. Đồng thời, Công ty luôn quan tâm đúng mức tới việc phát triển và đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, có trình độ kỹ thuật chuyên môn cao. Cùng với đó là các chính sách khuyến khích công nhân tại các đơn vị, phân xưởng sản xuất đưa ra các ý tưởng cải tiến quy trình sản xuất và sản phẩm để áp dụng vào thực tế sản xuất của doanh nghiệp. Họ là những người trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, nên các ý tưởng cải tiến thường có giá trị ứng dụng rất cao. Dựa vào báo cáo nghiên cứu thị trường của Phòng kinh doanh, kết hợp với sự tham vấn của các chuyên gia kỹ thuật, ban lãnh đạo Công ty tiến hành xây dựng và thiết kế các đề án phát triển sản phẩm mới nhằm phù hợp với thị yếu và nhu cầu của thị trường mục tiêu. Bên cạnh đó, các phòng ban, bộ phận khác có liên quan đến kinh doanh và kỹ thuật sản xuất luôn có sự phối hợp chặt chẽ, trao đổi thông tin nhằm nắm bắt nhu cầu của thị trường, theo dõi công nghệ của đối thủ cạnh tranh, đưa ra các chính sách phát triển sản phẩm mới cho hợp lý và hiệu quả.

Đối với hoạt động sản xuất đẽm cao cấp, Công ty chủ trương học hỏi mẫu mã và chuyển giao kỹ thuật. Ngành sản xuất đẽm cao cấp là một ngành có mức độ cạnh tranh cao, do công nghệ sản xuất đẽm tương đối đơn giản nên có rất nhiều doanh nghiệp với đủ các quy mô tham gia vào thị trường này. Bộ phận kinh doanh đẽm của Công ty luôn tích cực tham gia các hội chợ, triển lãm đẽm trong và ngoài nước, nhằm tìm kiếm liên kết với các nhà sản xuất khác để chia sẻ kinh nghiệm và công nghệ sản xuất, học hỏi phát triển mẫu mã sản phẩm. Cùng với đó, hoạt động nghiên cứu thị trường thường xuyên được triển khai định kỳ nhằm nắm bắt được xu hướng phát triển thị yếu, gu thẩm mỹ của khách hàng tại các thị trường mục tiêu, làm căn cứ để cải tiến sản phẩm đẽm cao cấp của Công ty.

Trong năm 2020, chính nhờ hoạt động nghiên cứu thị trường và dự báo về nhu cầu sản phẩm mới của đội ngũ kinh doanh, đã giúp Công ty bổ sung thêm hoạt động thương mại: xuất khẩu găng tay và nhập khẩu máy móc sản xuất khẩu trang. Hai lĩnh vực hoạt động này đã và đang đóng góp đáng kể vào tổng lợi nhuận gộp của Công ty, giúp Tùng Khánh có một bức tranh tăng trưởng khả quan hơn so với nhiều doanh nghiệp cùng ngành, cùng quy mô, tại địa phương, trước những khó khăn mà đại dịch thế giới gây ra.



6.6. *Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ*

Ban lãnh đạo Công ty nhận thức rất rõ ràng: chất lượng sản phẩm chính là hình ảnh và uy tín của doanh nghiệp trên thị trường. Chính vì vậy, việc quản trị chất lượng luôn được đặt lên hàng đầu trong hệ thống quản trị của Công ty. Việc kiểm tra, giám sát chất lượng được xây dựng trên mô hình quản lý khép kín từ khâu nhập nguyên vật liệu, và các yếu tố đầu vào cho tới khâu sản xuất sản phẩm và cuối cùng là lưu kho hoặc vận chuyển tới kho của khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty cũng đẩy mạnh việc sử dụng các hệ thống máy móc thiết bị kiểm tra chất lượng, nhằm đạt được hiệu quả cao. Để đủ tiêu chuẩn cung cấp ra thị trường, các sản phẩm của Công ty đều phải trải qua những công đoạn kiểm tra, giám sát nghiêm ngặt bằng cả người và máy móc.

Với định hướng phát triển ra thị trường nước ngoài, ban lãnh đạo Công ty chủ trương xây dựng bộ tiêu chuẩn chất lượng cho từng sản phẩm của mình, phù hợp với các tiêu chuẩn chất lượng trên thế giới. Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty đang được xây dựng và dần hoàn thiện theo các yêu cầu tiêu chuẩn của Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2015. Đây là một hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến hiện nay, giúp các doanh nghiệp có thể quản lý các công việc hàng ngày một cách hiệu quả và có hệ thống, với các tiêu chuẩn được áp dụng toàn thế giới.

6.7. *Hoạt động Marketing*

Bên cạnh thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, và số lượng sản phẩm, Công ty cũng quan tâm tới công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm, và phân phối sản phẩm một cách tốt nhất tới khách hàng. Với phương châm: mỗi cán bộ công nhân viên trong Công ty là một hạt nhân quảng bá hình ảnh, thương hiệu và sản phẩm của doanh nghiệp ra thị trường, ban lãnh đạo Công ty định kỳ tổ chức các buổi đào tạo về văn hóa doanh nghiệp, tác phong và thái độ làm việc chuẩn mực cho nhân viên, và các buổi tọa đàm nhận diện thương hiệu sản phẩm inox và đệm của Tùng Khánh, giúp cán bộ công nhân viên hiểu hơn về sản phẩm của Công ty. Đồng thời, xây dựng lòng tự hào của họ đối với những sản phẩm do chính họ tạo ra. Trong năm qua, Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng của ngành nghề và đã đạt được những hiệu quả cao. Sản phẩm của Công ty đã được nhiều khách hàng và đối tác trong và ngoài nước biết và tìm đến, đặc biệt là trên thị trường các tỉnh miền Bắc như: Hải Phòng, Bắc Ninh, Hà Nam, Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình, Lạng Sơn, Quảng Ninh,... hình thành một thương hiệu có uy tín và chất lượng. Hiện tại, Công ty đang áp dụng chiến lược marketing-mix (4P) cho các hoạt động marketing của mình bao gồm:

❖ **Sản phẩm (Products)**

Hoạt động nghiên cứu thị trường luôn được Tùng Khánh quan tâm đúng mức, nhằm có kế hoạch cải tiến, và phát triển các dòng sản phẩm phù hợp với xu thế và thị yếu của thị trường mục tiêu. Cùng với đó, hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm mới luôn được coi trọng, nhằm tìm kiếm thêm các dòng sản phẩm mới tối ưu so với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời, tạo điều kiện tận dụng những yếu tố mới trong sản phẩm, củng cố thêm các đặc tính của dòng sản phẩm cũ, như độ bền, độ sáng bóng, động tinh xảo, chống cong vênh,..., giúp tăng độ

02003
CÔNG TY
PHÂN
UẤT VÀ
CÔNG MA
KHÁNH
CỔ PHẦN

dài vòng đời, tuổi thọ của các dòng sản phẩm đã có. Quy trình quản trị chất lượng khép kín được áp dụng từ khâu lựa chọn nguồn cung, tới khâu vận chuyển thành phẩm tới tay khách hàng, giúp kiểm soát chất lượng của sản phẩm đầu ra. Mục đích cuối cùng và tiên quyết của chính sách sản phẩm là đáp ứng tốt nhất nhu cầu đa dạng của khách hàng.

❖ Chính sách giá cả (Price)

Bên cạnh chất lượng sản phẩm, chính sách giá cả là yếu tố quyết định đến tính cạnh tranh trong mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban lãnh đạo Công ty luôn cố gắng duy trì chính sách giá đồng bộ và nhất quán cho hệ thống phân phối, giúp giá cả của sản phẩm tới tay khách hàng luôn ổn định. Để thực hiện bình ổn giá và cung cấp sản phẩm chất lượng với mức giá hợp lý nhất, Công ty luôn chủ động đa dạng hóa nguồn cung để có được mức giá tốt nhất kể từ khâu đầu vào, luôn đề cao tinh thần tiết kiệm và duy trì trách nhiệm cao trong hoạt động kinh doanh, giảm tối đa các chi phí không cần thiết, nhằm mang tới khách hàng mức giá tối ưu nhất. Hơn thế nữa, thông qua các báo cáo dự báo nhu cầu của thị trường cho từng dòng sản phẩm, Công ty xây dựng kế hoạch lưu kho một cách hợp lý, giảm thiểu tối đa những rủi ro thiếu nguyên liệu trong sản xuất, hay thiếu hàng hóa cung ứng ra thị trường. Cùng với đó, sự linh hoạt trong các quyết định kinh doanh của ban lãnh đạo dưới sự đề xuất của phòng kế hoạch – kinh doanh, giúp cho chính sách giá của doanh nghiệp luôn được bổ sung thay đổi cho phù hợp với những biến động trong từng phân khúc thị trường.

❖ Hoạt động xúc tiến thương mại (Promotion)

Nhận thức rõ rằng: giá trị của một doanh nghiệp không đơn thuần được thể hiện bằng doanh thu, lợi nhuận, tài sản của doanh nghiệp mà chính là thông qua hình ảnh thương hiệu doanh nghiệp trên thị trường, ban lãnh đạo Công ty không ngừng nỗ lực quảng bá thương hiệu Tùng Khánh trên thị trường gắn với “chất lượng và uy tín”. Sau hơn 20 năm hoạt động, thương hiệu đồ inox Tùng Khánh và đệm Hàn Quốc cao cấp Tùng Khánh đã được khẳng định và được nhiều khách hàng và đối tác ghi nhận. Công ty đang hướng tới việc xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu một cách chuyên nghiệp, bằng việc xây dựng bộ nhận dạng thương hiệu với các công việc như: gắn nhãn, đặt tên thương hiệu, thiết kế logo, sáng tạo slogan, xây dựng bộ quy chuẩn hướng dẫn sử dụng, quy chế gắn nhãn và nhận diện thương hiệu theo đúng quy chuẩn quốc tế, và đã đăng ký bản quyền thương hiệu sản phẩm tại Cục Sở hữu Trí tuệ.

Ban lãnh đạo Công ty cũng tích cực mang các sản phẩm tham gia các hội chợ, triển lãm ngành, hay các buổi hội thảo chia sẻ kinh nghiệm, sự kiện gây quỹ, ..., và đã đạt được một số bằng khen, giấy khen ghi nhận những đóng góp của Công ty trong các sự kiện và sự phát triển của ngành. Ngoài ra, Công ty đã và đang tích cực quảng bá thương hiệu, hình ảnh của mình thông qua các kênh thông tin hiện đại để thông tin được truyền tải tới khách hàng đa dạng và chi tiết hơn, đặc biệt là thông qua website của Công ty và một số website chuyên ngành liên quan tới sản xuất đồ gia dụng, thiết bị bếp, đồ trang trí nội – ngoại thất bằng inox, và đệm cao cấp. Uy tín và

thương hiệu của Công ty luôn là một lời khẳng định chất lượng sản phẩm đối với các đối tác và bạn hàng.

❖ Các kênh phân phối (Place)

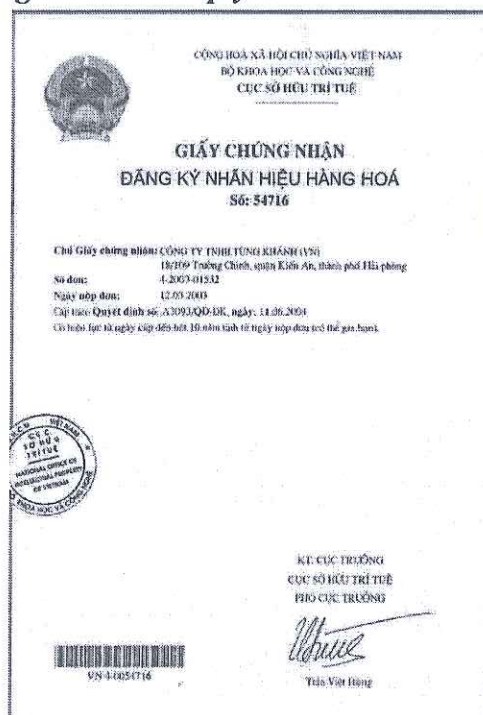
Đối với thị trường trong nước, Công ty đang liên kết hợp tác với một số nhà phân phối độc lập tại một số tỉnh miền Bắc như: Hà Nam, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, giúp sản phẩm đồ inox và đệm cao cấp Tùng Khánh đến được tay khách hàng, người tiêu dùng một cách nhanh chóng và dễ dàng hơn. Hoạt động của các nhà phân phối này đang phát huy hiệu quả tốt, đem lại những hợp đồng lâu dài, tạo doanh thu ổn định và tăng trưởng cho Công ty. Ngoài ra, Công ty vẫn đang triển khai xây dựng các kênh phân phối ngoài những địa bàn truyền thống (đang nghiên cứu mở rộng ra thêm một số tỉnh Tây Bắc và miền Trung) nhằm mở rộng thêm thị trường.

Đối với thị trường xuất khẩu sản phẩm inox và đệm, Công ty đang trong giai đoạn thăm dò, tìm hiểu và nghiên cứu thị trường; làm việc với các đối tác tại các thị trường mục tiêu như: Nhật, Hàn Quốc, Mỹ, và một số nước Đông Nam Á. Đối với các thị trường này, Công ty chủ trương ký kết hợp tác độc quyền với các đại diện nhập khẩu của từng thị trường, làm như vậy sẽ giúp Công ty có thể tận dụng được hệ thống phân phối rộng lớn sẵn có của đối tác tại các thị trường xa lạ, giảm các chi phí xâm nhập thị trường, đồng thời, tạo điều kiện cho sản phẩm của Công ty nhập khẩu dễ dàng hơn, và được cạnh tranh sòng phẳng với các hãng đồ inox và đệm nội địa của nước sở tại.

6.8. *Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền*



Biểu tượng trên được Công ty thống nhất dùng làm nhãn hiệu cho tất cả các sản phẩm của Công ty, cùng với đó là tên Công ty: Tùng Khánh, được dập nổi lên trên sản phẩm. Hiện tại, Công ty đã đăng ký bản quyền và sở hữu trí tuệ với bộ nhận diện thương hiệu sản phẩm của Công ty bao gồm cả logo và nhãn hiệu trên.



6.9. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 6 – Danh sách các hợp đồng tiêu biểu

STT	Khách hàng	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Tổng giá trị hợp đồng
1	Công ty TNHH Ngọc Long	Năm 2020 - 2021	Hạt nhựa + Hóa Chất PPG	57.808.488.200
2	Công ty TNHH Yehezkel Aharon (Chemifrod) LTD, Israel	Năm 2020	Găng tay cao su và nhựa HDPE	15.574.236.085
3	Công ty Techno Packing SL New York, Hoa Kỳ	Năm 2020	Găng tay nhựa HDPE	9.144.254.372
4	CTCP thương mại và sản xuất Toàn An Khánh	Năm 2020	Công inox, công barrier, giá inox	7.283.634.602
5	CTCP xây lắp thiết bị phương tiện giao thông Vinamex	Năm 2020 - 2021	Vải gấm, vải dệt thoi	6.916.503.990
6	Công ty TNHH Đại Đức Tân	Năm 2020	Máy sản xuất khẩu trang	5.878.400.000
7	Công ty TNHH Valsons Traders Exportaciones, Sociedad Limitada, Tây Ban Nha	Năm 2020	Găng tay PVC, nhựa HDPE	4.650.841.423
8	CTCP Tập Đoàn 202	Năm 2020	Cầu thang, lan can inox	4.530.782.211
9	Công ty Defimex SA, Bỉ	Năm 2020	Găng tay HDPE	3.234.186.347
10	CTCP TM XNK và kết cấu thép Hưng Thịnh Phát	Năm 2020	Thép tấm, thép hình	3.036.443.533
11	CTCP Hoàng Long Bắc Cạn	Năm 2020 - 2021	Công inox, găng tay cao su	2.353.593.000
12	Công ty TNHH B.H.W Import & Marketing Ltd., Israel	Năm 2020	Găng tay cao su và nhựa HDPE	2.113.432.745
13	Công ty TNHH Zubairi Plastic Bags Industry LLC, Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất	Năm 2020	Găng tay nhựa PE và Nitrile	1.820.453.680
14	Công ty TNHH Dekos R, S.R.O, Cộng hòa Séc	Năm 2020	Găng tay	1.165.352.632
15	CTCP giải pháp công nghệ thông tin Việt Hùng	Năm 2020 - 2021	Công inox	1.142.900.000

16	Công ty Great Bear BV, Bỉ	Năm 2020	Thương mại	1.029.122.772
17	CTCP Thương Mại Hoàng Hải	Năm 2020	Thép không gỉ	946.770.000
18	Công ty Mattroi S.R.O, Cộng hòa Séc	Năm 2020	Găng tay	930.148.259
19	Tập đoàn Euro Enterprise Srot Max Euro, Cộng hòa Séc	Năm 2020	Găng tay HDPE	903.436.191
20	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hà Duyên	Năm 2020	Cột cài dải băng, cột rulo quần băng vải	838.750.000
21	Công ty A+ C Softworx SRO	Năm 2020	Găng tay	715.326.584
22	Công ty kỹ thuật công nghiệp Công Tiến	Năm 2020	Máng inox	689.409.600
23	Công ty Solid Pack S.A.	Năm 2020	Găng tay cao su	682.591.132
24	Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Mạnh Toàn	Năm 2020	Cổng, cửa inox	678.990.400
25	Công ty Vipor SRO – Nadrazni, Cộng hòa Séc	Năm 2020	Găng tay	455.476.829
26	Công ty TNHH OTI General Trading SRL, Romania	Năm 2020	Găng tay	411.909.845
27	Công ty hợp danh Mitchell Gold & Bob Williams, Hoa Kỳ	Năm 2020	Găng tay	359.184.458
28	Công ty TNHH Việt Sao	Năm 2020	Tủ, giường, bàn ghế inox	355.300.000
29	Công ty TNHH Tritech Engineering Co.,Ltd, Thái Lan	Năm 2020	Máng inox	347.100.600
30	Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ công nghiệp Rose	Năm 2020	Giá inox, cổng inox, cổng barrier	336.421.140
31	Tập đoàn Enterprise SP Z.O.O, Phần Lan	Năm 2020	Găng tay	313.889.549
32	CTCP giải pháp công nghệ Nam Long	Năm 2020	Tủ inox, thùng inox, cổng xếp	296.230.000

138373
 TỶ
 AN
 T VÀ
 MẠI
 ANH
 Ồ PHÂN

33	Bệnh viện y học cổ truyền	Năm 2020	Công inox, giá, giường, ghế inox, và đệm	292.606.600
34	CTCP tư vấn đầu tư và xây dựng CDS	Năm 2020	Công inox	264.082.500
35	Công ty TNHH xây dựng HAN Việt Nam	Năm 2020	Hàng rào, công inox	230.467.600
36	Công ty TNHH kính mắt Bảo Quang	Năm 2020	Càng thép, ốc vít, bản lề	229.900.000
37	Công ty TNHH đệm mút Ngọc Sơn	Năm 2020	Vải	220.000.000
38	Công ty TNHH xây dựng Hoàng Lộc	Năm 2020	Công inox	209.000.000
39	CTCP cơ khí và xây dựng Minh Trường	Năm 2020	Gia công trọn gói công inox	208.450.000
40	Công ty TNHH Khải Nguyên Tân	Năm 2020	Thiết bị inox	182.160.000
41	Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng phát triển An Dương	Năm 2020	Công inox	177.100.000
42	Công ty tư nhân Bag Design Lukasz Stanislawowski, Phần Lan	Năm 2020	Găng tay	176.653.706
43	CTCP thương mại dịch vụ cảng Hải Phòng	Năm 2020	Công inox	176.357.500
44	CTCP nhựa xốp Việt Năm	Năm 2020	Bàn inox, chậu inox	168.795.000
45	Công ty TNHH xây dựng Ngân Việt	Năm 2020	Công inox	165.660.000
46	Công ty TNHH thực nghiệm YIKANG	Năm 2020	Công inox	136.290.000
47	Công ty TNHH Inter Art Sài Gòn	Năm 2020 - 2021	Công, cột cờ inox	135.300.000
48	Công ty TNHH thiết bị bếp công nghiệp Chefo	Năm 2020	Bàn ghế inox	127.380.000
49	CTCP Cơ khí xây dựng thương mại Trường Lộc	Năm 2020	Công inox	125.285.000

50	Công ty TNHH MTV Ngọc Sơn	Năm 2020	Cổng inox	123.268.200
51	Công ty TNHH Vũ Nhật Minh	Năm 2020	Cổng inox	121.198.000
52	Công ty liên doanh làng quốc tế Hương Dương GS-HP	Năm 2020	Cổng inox	111.690.700
53	Công ty TNHH điện lực Hiệp Phước	Năm 2020	Cổng inox	110.550.000
54	CTCP xây dựng Tân Lộc	Năm 2020	Thiết bị inox	104.588.000
55	Công ty TNHH Metal – Mart Việt Nam	Năm 2020	Cổng inox	100.006.500
TỔNG CỘNG				140.840.349.485

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

Trên đây là những hợp đồng tiêu biểu đã được ký kết trong năm 2020 và tổng hợp tổng giá trị bán hàng của cả năm, cho từng khách hàng tiêu biểu của Công ty. Hầu hết các hợp đồng có giá trị lớn, đều là hợp đồng với những đối tác, bạn hàng lâu năm, và hàng năm, Công ty thường tiến hành ký kết Biên bản thỏa thuận/Hợp đồng nguyên tắc về việc cung ứng sản phẩm/dịch vụ đối với những khách hàng này. Trên cơ sở những Biên bản thảo thuận/Hợp đồng nguyên tắc, khi khách hàng phát sinh nhu cầu nhập hàng, Công ty và khách hàng sẽ tiến hành ký kết thêm các Hợp đồng thực hiện, nên số lượng hợp đồng trong một năm của mỗi khách hàng là tương đối lớn và các hợp đồng không có thời hạn.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

7.1.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 7 – Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT giá trị: đồng

STT	Các khoản mục	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/ giảm
1	Tổng giá trị tài sản	81.869.900.140	93.586.804.881	14,31%
2	Vốn chủ sở hữu (VCSH)	52.647.292.660	55.836.254.204	6,06%
3	Doanh thu thuần	134.223.693.802	131.766.510.502	(1,83%)
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.525.008.765	3.906.531.365	10,82%
5	Lợi nhuận khác	526.331.167	33.274.884	(93,68%)

6	Lợi nhuận trước thuế	4.051.339.932	3.939.806.250	(2,75%)
7	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	3.001.941.939	3.188.961.544	6,23%
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	-	-	-
9	Tỷ lệ LNST/VCSH bình quân (%)	5,18%	5,88%	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

❖ Những nhân tố thuận lợi

➤ Tình hình chính trị – xã hội:

Tình hình chính trị - xã hội trong nước ổn định giúp các doanh nghiệp an tâm trong việc phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh; tạo tiền đề và điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển dài hạn. Bên cạnh đó, trong năm 2020, Chính phủ đã có những biện pháp, đưa ra các chính sách đối phó với đại dịch Covid – 19, một cách kịp thời và quyết liệt, nhằm đảm bảo sự ổn định của toàn xã hội, và được lãnh đạo thế giới đánh giá cao. Ngoài ra, tình hình chính trị – xã hội đóng góp đáng kể vào việc thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài FDI chảy vào các ngành kinh tế của Việt Nam.

➤ Chính sách khuyến khích của chính quyền địa phương và của Nhà Nước:

Nghề sản xuất sắt thép được coi là nghề truyền thống, nổi tiếng từ bao đời nay của thành phố Hải Phòng. Hiện nay, chính quyền Hải Phòng đang chủ trương phát triển quy hoạch làng nghề tại các địa phương theo đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước, với các chính sách khuyến khích hoạt động sản xuất kinh doanh tự phát nhỏ lẻ tập trung trở thành các doanh nghiệp hoạt động quy củ và có đăng ký giấy phép kinh doanh. Cùng với đó là chủ trương công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, phát triển ngành sản xuất trong nước, đặc biệt là sản xuất tiêu dùng làm thế mạnh, cũng là một lợi thế cho các doanh nghiệp sản xuất đồ gia dụng, đồ trang trí inox và đệm cao cấp như CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh. Hơn thế nữa, Nhà nước cũng đưa ra các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng công nghệ cao vào sản phẩm sản xuất của mình trong thời đại 4.0 hiện nay. Điều này tạo động lực cho ban lãnh đạo Công ty mạnh dạn mở rộng sản xuất các mặt hàng tự động hóa và có yếu tố điện tử công nghệ cao như: barrier tự động, cửa trượt tự động, cổng xếp điện tử,...

➤ Nguồn nhân lực:

Ban lãnh đạo Công ty là những con người năng động, có kinh nghiệm, và nhạy bén đã xây dựng kế hoạch phát triển ngắn – trung – dài hạn cho Công ty một cách có hệ thống, phù hợp với năng lực hoạt động, tiềm lực tài chính của Công ty và xu hướng phát triển vĩ mô của ngành và nền kinh tế. Chính những con người này đã đưa ra quyết sách chuyển hướng hoạt động kinh doanh gắng tay và máy móc nhỏ, giúp Công ty có nguồn thu ổn định trong thời gian khó khăn của dịch bệnh trong năm 2020. Cùng với đó, đội ngũ chuyên gia, lao động kỹ thuật công nghệ có kiến

thức chuyên sâu, nhiều kinh nghiệm và nguồn nhân công thâm niên, lành nghề, chủ yếu được tuyển dụng ngay tại địa phương là một lợi thế lớn của Công ty.

➤ *Nguồn lực phục vụ sản xuất:*

Nguồn lực phục vụ sản xuất bao gồm: máy móc, trang thiết bị và các yếu tố đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất luôn được quan tâm đúng mức. Trang thiết bị kỹ thuật, máy móc sản xuất của công ty luôn được bảo trì bảo dưỡng, và có phương án thay thế khi cần thiết, nhằm đảm bảo số lượng, và chất lượng phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty, giảm thiểu tối đa những rủi ro từ việc gián đoạn sản xuất. Máy móc của Công ty đều được nhập khẩu từ các nước có trình độ công nghệ kỹ thuật sản xuất phát triển, tạo điều kiện cho Công ty trong việc triển khai tự động hóa từng phần dẫn tới tự động hóa hoàn toàn, giúp cho việc quản trị chất lượng sản phẩm dễ dàng hơn. Nguồn nguyên vật liệu đầu vào ổn định, nhờ mạng lưới nhà cung ứng chiến lược, phân thành nhiều cấp, luôn đáp ứng đủ về cả số lượng và chất lượng cho quá trình sản xuất và kinh doanh thương mại.

❖ Những nhân tố khó khăn

➤ *Tình hình kinh tế:*

Tình hình kinh tế trong nước và thế giới có nhiều biến động phức tạp, đặc biệt là tình hình căng thẳng trong quan hệ thương mại Mỹ – Trung từ cuối năm 2018, đã tác động tiêu cực tới giá cả hàng hóa nhập khẩu – xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2019. Inox được sản xuất từ sắt thép nhưng nguồn phôi sắt thép nhập khẩu của Việt Nam chủ yếu đến từ Trung Quốc đã gây nhiều khó khăn trong việc sản xuất sắt thép nói chung và sản xuất inox nói riêng. Bên cạnh đó, nguồn nhập khẩu inox của Việt Nam đến từ Hàn Quốc, nhưng do tỷ giá bị thay đổi nên giá cả nhập khẩu cũng bị biến động tương ứng, khiến các doanh nghiệp nhập khẩu inox và sản xuất đồ inox gặp rất nhiều khó khăn trong việc quản lý chính sách giá của mình. Ngoài ra, các cuộc chiến tranh thương mại như: chiến tranh thương mại Mỹ – Trung, Nhật – Trung, Hàn – Nhật diễn ra phức tạp, các doanh nghiệp như Công ty sẽ vẫn gặp rất nhiều khó khăn trong các năm tiếp theo, đặc biệt là tỷ giá và giá cả nguyên liệu đầu vào phải nhập khẩu. Năm 2020, nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế của các quốc gia nói riêng rơi vào tình trạng khủng hoảng và suy thoái do những tác động tiêu cực, không thể lường trước từ đại dịch Covid – 19, khiến cho hoạt động thông thương nội địa và quốc tế đều bị đình trệ, gây thiệt hại lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó có Tùng Khánh.

➤ *Sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp nước ngoài:*

Năm 2019 năm ký kết các hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và các nước, các khu vực kinh tế trên thế giới, trong khi đó, năm 2020 chính là năm bản lề cho việc thực hiện triển khai các hiệp định này. Việc mở cửa hội nhập nền kinh tế, giảm hàng rào thuế quan tiến tới thuế quan về 0 giữa các nước trong hiệp định thương mại là cơ hội, và thách thức đối với các doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp sản xuất với quy mô nhỏ như CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh, đây là một thách thức vô cùng lớn khi phải cạnh tranh với các nhà sản xuất từ

nước ngoài có trình độ công nghệ hiện đại hơn với quy mô và tiềm lực tài chính lớn hơn. Đặc biệt, khi mà Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Châu Âu (EVFTA) có hiệu lực, khả năng số lượng các doanh nghiệp của các nước thành viên đổ về Việt Nam là rất lớn, đang và sẽ tạo nên một môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn.

➤ *Nguồn vốn đầu tư:*

Để tài trợ vốn cho việc cải tiến và đầu tư máy móc sản xuất cần một nguồn vốn rất lớn, mà nguồn vốn nội tại bên trong Công ty không có đủ khả năng để đáp ứng, vì vậy, nguồn đi vay là một giải pháp tất yếu. Tuy nhiên, các doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ thường gặp rất nhiều khó khăn trong việc vay vốn, do chính sách cho vay của các ngân hàng thương mại ngày càng bị thắt chặt vì lo ngại nợ xấu. Năm 2019, các ngân hàng đã điều chỉnh nâng cao điều kiện cho vay vốn, và yêu cầu về tài sản thế chấp, khiến cho Công ty gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn vay để củng cố, và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Năm 2020, mặc dù, trong giai đoạn “hậu Covid”, hệ thống ngân hàng cũng đã đưa ra rất nhiều chính sách khuyến khích doanh nghiệp vay để đầu tư, phục hồi hoạt động, song những rủi ro không nhỏ từ đại dịch Covid – 19 đến nền kinh tế trong nước vẫn còn đang hiển hiện trước mắt, đã ngăn các doanh nghiệp tự tin vay vốn.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Đối với mảng hoạt động thương mại, hàng hóa của Công ty đã được vận chuyển khắp Bắc – Trung – Nam, tuy nhiên việc nhận diện thương hiệu của Công ty vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, phần lớn là do đặc điểm ngành thương mại của Việt Nam chưa có thói quen gắn mác thương mại kết hợp với mác của nhà sản xuất. Ngược lại, ở mảng hoạt động sản xuất đồ inox, thương hiệu Tùng Khánh đã được khẳng định trên thị trường qua hơn 20 năm hoạt động. Sản phẩm đồ inox của Công ty tuy chưa được phân phối rộng khắp trên các tỉnh thành của cả nước, nhưng lại rất có tiếng và được các bạn hàng biết đến tại các thị trường mục tiêu như: Hải Phòng, Hà Nam, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Bắc Ninh. Việc gắn nhãn mác dập nổi thương hiệu “Tùng Khánh” được thực hiện trên từng sản phẩm, và được kiểm tra kỹ lưỡng trước khi xuất xưởng. Đồ gia dụng và trang trí nội – ngoại thất inox Tùng Khánh luôn được gắn liền với uy tín và chất lượng. Bên cạnh đó, sản xuất đệm Hàn Quốc cao cấp đang được Công ty triển khai trong vài năm trở lại đây và cũng dần khẳng định tên tuổi của mình trên thị trường, xứng đáng với hình ảnh thương hiệu “Tùng Khánh” uy tín và chất lượng. Sản phẩm của Công ty có sức cạnh tranh cao trên thị trường. Hiện tại, mạng lưới nhà phân phối sản phẩm của Công ty vẫn đang được phát triển với gần 50 đại lý phân phối cấp 1 và các showroom trưng bày trên thị trường các tỉnh thành miền Bắc.

Tuy nhiên lợi thế cạnh tranh lớn nhất được ban lãnh đạo Công ty xác định chính là nguồn lực con người. Sự tinh gọn trong cơ cấu tổ chức và vận hành bộ máy quản lý; cùng với lực lượng lao động của Công ty dồi dào, có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm trong sản xuất; vận hành các thiết bị máy móc sản xuất áp dụng kỹ thuật công nghệ cao; tất cả đã tạo nên sự thành công và đảm bảo tương lai phát triển của CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh trong nhiều năm sắp tới.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Thương mại là hoạt động không thể thiếu đối với tất cả các nền kinh tế. Công ty đang thực hiện thương mại một số sản phẩm chính, bao gồm: hạt nhựa, hóa chất, thép cuộn không gỉ, găng tay (cao su và nylon), máy móc thiết bị sản xuất khẩu trang. Hiện tại, nhu cầu sản xuất nhựa là rất lớn. Theo báo cáo của Hiệp hội nhựa Việt Nam (VPA), tuy là một ngành mới nhưng tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành này vào khoảng 16% - 18% trong vòng 5 năm trở lại đây, và dự báo sẽ tăng lên 20% vào năm 2021, trong đó có những mặt hàng tăng 100%, thể hiện sức nóng của ngành sản xuất nhựa. Hiện tại, Việt Nam đang có khoảng 4.000 doanh nghiệp hoạt động trong ngành này, điều này đảm bảo cho triển vọng phát triển thương mại các nguyên vật liệu phụ trợ cho ngành sản xuất nhựa như: hạt nhựa, và hóa chất phụ gia. Cùng với đó, thương mại thép không gỉ của Việt Nam luôn sôi động. Thép không gỉ, với những ứng dụng rộng rãi của nó, có ảnh hưởng rất lớn tới nhiều ngành, và lĩnh vực sản xuất trong nền kinh tế, đặc biệt là sản xuất các chi tiết dụng cụ đòi hỏi sự tinh xảo với độ bền cao. Hoạt động thương mại thép không gỉ sẽ còn tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong nhiều năm nữa.

Đại dịch Covid – 19 đã nâng cao ý thức của người dân: bảo vệ đường hô hấp và sức khỏe của mình khỏi khói bụi, và virus, vi khuẩn gây bệnh, bằng việc đeo khẩu trang thường xuyên khi đi ra đường. Chính vì vậy, nhu cầu nhập khẩu máy móc thiết bị sản xuất khẩu trang sẽ còn được duy trì trong vài năm tới, cho đến khi cầu thị trường trở nên bão hòa. Đối với xuất khẩu găng tay cao su và găng tay nylon, phục vụ cho ngành y tế và ngành thực phẩm, thị trường xuất khẩu của Công ty tập trung vào các nước thuộc khối liên minh Châu Âu, là những quốc gia có nền y tế phát triển, có tiêu chuẩn, chuẩn mực, và ý thức vệ sinh rất cao, cho nên, nhu cầu nhập khẩu các sản phẩm găng tay y tế và găng tay thực phẩm là rất lớn và ổn định. Với các hợp đồng xuất khẩu đã được ký kết, lĩnh vực thương mại găng tay được xem là “cứu cánh” cho hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2020 đầy khó khăn, và cũng là tiền đề để ban lãnh đạo Công ty cân nhắc, xây dựng kế hoạch phát triển sang một lĩnh vực tiềm năng mới.

Nhu cầu sử dụng sản phẩm inox thay thế cho các sản phẩm làm từ gỗ và nhựa đang ngày càng tăng cao do tính ưu việt của inox: giá cả phải chăng, gọn, nhẹ, và bền bỉ với thời gian. Trong khi nguồn cung cho thị trường thành thị đã sắp đạt tới mức dư thừa, thị trường tại các vùng nông thôn vẫn còn rất tiềm năng để phát triển, đây cũng là thị trường mà Công ty đang muốn đẩy mạnh trong thời gian tới. Ngoài ra, Công ty cũng đang bước đầu tìm hiểu và đặt mối quan hệ lâu

dài với một số đối tác nước ngoài tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ và một vài nước Đông Nam Á, làm tiền đề cho việc đưa sản phẩm của Công ty ra thị trường quốc tế.

Việt Nam ký kết các Hiệp định thương mại, tuy đang tạo ra một thị trường cạnh tranh gay gắt đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, nhưng cũng là hy vọng cho việc phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa dễ dàng hơn, mở ra thị trường rộng lớn không biên giới. Ban lãnh đạo Công ty cũng nhận thức rõ được điều này nên không ngừng cố gắng nâng cao trình độ công nghệ sản xuất, chất lượng sản phẩm của mình với mong muốn biến thách thức thành cơ hội.

8.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Hiện tại, trong hoạt động của Công ty, doanh thu từ mảng hoạt động thương mại chiếm tỷ trọng cao hơn, trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty. Tuy nhiên, mảng hoạt động sản xuất các sản phẩm inox đóng góp phần lớn trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty. Do đó, các doanh nghiệp được đưa ra so sánh là những công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại và sản xuất đồ inox khác (theo bảng dưới đây).

DVT giá trị: tỷ đồng

Tên Công ty	Mã cổ phiếu	Tổng tài sản	Vốn điều lệ	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	ROA (%)	ROE (%)
CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	TKG	94,25	46,3	131,77	3,19	3,62	5,88
CTCP Chế tạo kết cấu thép VNECO (HNX)	SSM	114,82	~55,01	243,07	6,71	4,18	9,94
CTCP Minh Hữu Liên (HNX)	MHL	240,7	54,31	440,78	0,81	0,33	1,27
CTCP Thép Thủ Đức - Vnsteel	TDS	392,16	~122,25	2.196,91	21,61	4,95	8,00
CTCP Thép VICASA - VNSTEEL	VCA	312,98	~151,87	2.172,55	21,06	5,14	9,41
CTCP Kim khí miền Trung	KMT	692,3	~98,46	1.914,5	6,08	0,89	4,77
CTCP Thương mại - Xuất nhập khẩu Thủ Đức	TMC	319,87	124	1.417,84	7,72	2,30	3,88

(Nguồn: BCTC quý IV và BCTC kiểm toán năm 2020 của các công ty)

Từ bảng thống kê ở phía trên, Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh có các chỉ tiêu tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh ở mức trung bình so với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành tương đương, và có quy mô về vốn tương đối giống với Công ty.

8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Xu hướng tiêu dùng của thế giới hiện đại là thân thiện với môi trường, giảm thiểu tối đa các tác động xấu tới rừng và đất. Do đó, các sản phẩm gia dụng, nội thất làm từ gỗ và nhựa, đặc biệt là nhựa bản, chất lượng thấp, sẽ bị hạn chế. Sản phẩm inox là một lựa chọn thay thế tối ưu cho các chất liệu trên, với các đặc điểm vượt trội như bền, chống chịu được thời tiết, côn trùng và các tác nhân môi trường bên trong, dễ gia công, tạo hình, và có độ sáng bóng, dễ lau chùi đặc biệt phù hợp với đồ trang trí, nội ngoại thất. Hơn thế nữa, Việt Nam là quốc gia nằm trong khí hậu nhiệt đới, nóng – ẩm, khiến cho tuổi thọ của đồ đạc làm bằng gỗ và nhựa giảm đáng kể, so với các vật dụng làm bằng inox. Do đó, việc phát triển sản xuất các sản phẩm inox của Công ty rất phù hợp với xu thế phát triển của ngành sản xuất đồ gia dụng, đồ trang trí và đồ công nghiệp ở Việt Nam, cũng như trên thế giới.

Bên cạnh đó, sau những tác động từ dịch bệnh Covid – 19, người dân trên thế giới và trong nước đã tự nâng cao ý thức trong việc sử dụng khẩu trang, găng tay y tế,... để bảo vệ sức khỏe của bản thân và gia đình, trước những tác động xấu từ môi trường xung quanh như: khói, bụi, vi khuẩn, virus, và nấm mốc gây bệnh trong không khí. Cho nên, hướng phát triển đẩy mạnh hoạt động thương mại máy móc thiết bị sản xuất khẩu trang, và găng tay của Công ty, trong một vài năm tới, được đánh giá là đúng đắn, thức thời, và phù hợp với xu hướng tiêu dùng và phát triển chung của xã hội hiện đại.

Ngoài ra, định hướng phát triển các ngành công nghiệp và công nghiệp phụ trợ của Việt Nam, cùng với các chính sách khuyến khích phát triển của Nhà nước trong lĩnh vực này, giúp nhu cầu sử dụng các sản phẩm phụ gia, và hóa chất có xu hướng tăng lên. Hoạt động thương mại hóa chất, bông sợi, vải tấm,... vừa giúp hỗ trợ hoạt động sản xuất đậm của chính Công ty, đồng thời, phù hợp với định hướng phát triển của đất nước.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong Công ty

Bảng 8 – Số lượng và cơ cấu người lao động

Tiêu chí phân loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)
<i>Phân loại theo trình độ học vấn/chuyên môn</i>	<i>63</i>	<i>100</i>
- Trên đại học	2	3,17
- Đại học	6	9,52
- Cao đẳng	8	12,70
- Trung cấp kỹ thuật	16	25,40
- Lao động phổ thông	31	49,21



<i>Phân loại theo tính chất công việc</i>	<i>63</i>	<i>100</i>
- Lao động gián tiếp	16	25,40
- Lao động trực tiếp	47	74,60

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

9.2.1. Chính sách đào tạo

Công ty luôn có những chính sách khuyến khích cán bộ công nhân viên tự trao dồi kiến thức làm việc cần thiết phù hợp với bản thân. Đồng thời, đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, mở các lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, đặc biệt là về các kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên quản lý, nhân viên kỹ thuật; đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân sản xuất, vận hành trực tiếp máy móc thiết bị thuộc các phân xưởng, đơn vị sản xuất. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng như sau:

- Đối với lao động trực tiếp: Công ty chú trọng đào tạo tại chỗ trong quá trình làm việc để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác, và nhu cầu thăng tiến cho bản thân.
- Đối với lao động tại các phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật: Công ty luôn tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn, tổ chức các buổi trao đổi, học tập về kiến thức chuyên môn và kiến thức kỹ thuật. Đặc biệt, các công nhân kỹ thuật được cập nhật những phương thức công nghệ cao tiên tiến trên thế giới trong việc sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị sản xuất. Công ty cũng khuyến khích sự sáng tạo, tạo điều kiện cho đội ngũ chuyên gia kỹ thuật trong việc thử nghiệm những cải tiến mới và triển khai áp dụng vào thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đối với nhân viên tại các phòng ban quản lý: Công ty tổ chức những lớp nâng cao kiến thức quản lý, tổ chức các buổi họp trao đổi kinh nghiệm trong công tác quản lý điều hành doanh nghiệp, phòng ban, luôn tạo điều kiện để các nhân viên quản lý tu dưỡng, học tập để trở thành hạt nhân nòng cốt quản trị Công ty.

9.2.2. Chính sách lương thưởng, trợ cấp

- Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Tiền lương được thực hiện theo nguyên tắc phân phối lao động và hiệu quả hoạt động của từng bộ phận. Tiền lương được sử dụng như một đòn bẩy để kích thích người lao động tích cực tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Mức lương bình quân 2020 đối với cán bộ công nhân

viên Công ty ở mức 7.000.000 đồng/tháng, mức lương này đã được cải thiện đáng kể so với mức lương bình quân của năm 2019 (5 triệu đồng/tháng). Đây là thu nhập thuộc mức khá so với các doanh nghiệp cùng hoạt động trong ngành và so với các doanh nghiệp khác tại cùng địa phương, đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh diễn ra phức tạp trong thời gian vừa qua. Trong điều kiện hoạt động kinh doanh phục hồi và trở lại bình thường, Công ty sẽ cố gắng nâng cao mức lương bình quân của người lao động lên nữa để người lao động yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty.

- Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng năng suất lao động và hiệu quả đóng góp, đặc biệt là đối với đội ngũ lao động trực tiếp vượt chỉ tiêu KPIs. Công ty có chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có những đóng góp quan trọng vào kết quả hoạt động chung. Ngoài được thưởng các quyền lợi được quy định bởi Luật Lao động, cán bộ nhân viên trong Công ty còn được hưởng một số quyền lợi khác như được ưu tiên mua cổ phiếu và trái phiếu của Công ty. Mức độ ưu đãi tùy thuộc vào quá trình công tác, và mức độ đóng góp của bản thân người lao động cho Công ty. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Bên cạnh đó, Công ty cũng xây dựng các điều khoản xử lý, kỷ luật thích đáng đối với những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chính sách bảo hiểm, trợ cấp và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Hơn thế nữa, Công ty cũng luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất tại các phân xưởng. Các chế độ bảo hiểm lao động, quần áo, dụng cụ bảo hộ cho người lao động được Công ty trang bị và thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Hằng năm, Công ty tổ chức các chuyến dã ngoại, tham quan, nghỉ mát định kỳ cho cán bộ công nhân viên trong Công ty.

10. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật, việc này được quy định tại Điều lệ Công ty. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Cổ tức được chia cho các cổ đông tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp. Khi cổ tức được chi trả theo quy định, Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn.



Do Công ty tập trung các nguồn lực tài chính vào việc phát triển mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và kế hoạch đầu tư vào một số dự án trong những năm sắp tới, vì vậy, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã nhất trí quyết định không chia cổ tức. Từ khi chuyển sang hình thức CTCP, Công ty vẫn chưa tiến hành chi trả cổ tức cho cổ đông. Dự kiến trong năm 2021, Công ty có thể sẽ tiến hành chi trả cổ tức cho các cổ đông theo mức cổ tức sẽ được quyết định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Số liệu trong báo cáo tài chính của Công ty được tính bằng đồng Việt Nam, báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực, và chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

❖ Trích khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 18 năm
- Máy móc, thiết bị	6 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	7 – 10 năm

❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty đã thực hiện thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn trên một năm.

❖ Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 9 – Các khoản phải nộp theo luật định

ĐVT giá trị: đồng

STT	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020
1	Thuế giá trị gia tăng	102.020.934	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	649.397.993	215.844.706
	Tổng cộng	751.418.927	215.844.706

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

❖ Trích lập các quỹ theo luật định

Theo Luật doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng quỹ hàng năm được Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, theo nghị quyết ĐHĐCĐ và theo pháp luật hiện hành. Hiện tại, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Công ty tạm thời chưa trích lập các quỹ để tập trung nguồn lực tài chính cho các hoạt động kinh doanh sắp tới. Công ty chưa tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

❖ **Tổng dư nợ vay**

Bảng 10 – Tổng dư nợ vay

ĐVT giá trị: đồng

STT	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020
A	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	25.978.523.988	29.536.563.324
1	Vay ngắn hạn	24.000.000.000	29.000.000.000
1.1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.250.000.000	26.000.000.000
1.2	Ngân hàng TMCP Việt Nam thịnh vượng	3.000.000.000	3.000.000.000
1.3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	17.750.000.000	0
2	Vay dài hạn đến hạn trả	1.978.523.988	536.563.324
2.1	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chailease	1.382.413.344	536.563.324
2.2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	596.110.644	0
B	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		0
1.1	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.551.944.678	0
1.2	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chailease	577.007.747	0
	Tổng cộng	28.107.476.413	29.536.563.324

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

▪ Khoản A.1.1 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/750909 ngày 22/06/2020, hạn mức: 30 tỷ đồng trong 12 tháng; thời hạn cho vay, lãi suất áp dụng cho từng hợp đồng tín dụng cụ thể; khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động và được đảm bảo bằng tài sản thuộc sở hữu của Công ty là 3 phương tiện vận tải với giá trị 940 triệu, nhà cửa vật kiến trúc gắn liền với đất và Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất giá trị 19,58 tỷ đồng;

▪ Khoản A.1.2 vay Ngân hàng TMCP Việt Nam thịnh vượng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 150520-32303-01-SME ngày 15/10/2020, hạn mức: 3 tỷ đồng trong 12 tháng, thời gian cho vay đối với từng lần tối đa không quá 6 tháng; khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động cho

hoạt động sản xuất kinh doanh inox, thép không gỉ và áp dụng lãi suất theo hợp đồng vay cụ thể từng giai đoạn, lãi suất quá hạn 150% lãi trong hạn nhưng không quá 10%/năm;

- Khoản A.1.3 vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 16/2018/HĐTD-TK ngày 25/06/2018, hạn mức 20 tỷ đồng, thời hạn hạn mức: 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất: 7%/năm; và theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 16/2019/HĐTD-TK ngày 15/10/2019, hạn mức: 17.750.000.000 đồng, thời hạn hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký; lãi suất thả nổi tùy theo từng thời điểm giải ngân, các khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của bà Bùi Thị Yến và ông Phạm Văn Hiếu, các cổ đông, tại Hà Nội, và tài sản gắn liền với đất của Công ty tại Hải Phòng;

- Khoản A.2.1 thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chailease theo 2 Hợp đồng cho thuê tài chính:

- Số C1809041P2 ngày 17/09/2018 với tổng gốc vay là 597.000.000 VND; tài sản thuê gồm: máy hàn chập tự động, công suất 100KA, model DN-100KVA và 01 máy nén khí 20HP 3pha 380V; lãi suất thuê ban đầu đến kỳ thanh toán thứ 6 là 10,05% cho thời hạn tính lãi là 360 ngày và 10,19% cho thời hạn tính lãi là 365 ngày, sau đó sẽ thả nổi được tính theo lãi suất tiêu chuẩn cộng với biên độ 2,95%, nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 35 kỳ, giá trị còn lại là 16.119.000 đồng; và
- Số C190202915 ngày 20/02/2019 với tổng gốc vay là 1.844.000.000 VND; tài sản thuê gồm: 01 xe nâng hàng, 02 máy xén kim loại, 01 máy ép thủy lực, 01 máy hàn kim loại, 01 máy uốn ống, 01 máy phay kim loại, 01 máy tuốt dây thẳng máy trần AMD 90; thời gian thuê 36 tháng; lãi suất thuê ban đầu là 10,8% được tính theo lãi suất tiêu chuẩn cộng với biên độ 3,5%; nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 29 kỳ, giá trị còn lại là 61.868.400 đồng.

- Khoản B.1.1 vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cho vay từng lần trung hạn số 16/2018/HĐTD-TK 02 ngày 03/07/2018, hạn mức: 3 tỷ đồng, thời hạn hạn mức: 60 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất: 8,6%/năm, khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền trên đất của bà Bùi Thị Yến, và ông Phạm Văn Hiếu, các cổ đông khác, tại Hà Nội, và tài sản gắn liền trên đất của Công ty tại Hải Phòng, và 1 xe bán tải của Công ty;

- Khoản B.1.2 thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chailease theo Hợp đồng cho thuê tài chính ngày 17/09/2018, hạn mức: 2,4 tỷ đồng, thời hạn hạn mức: 36 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất: 9,91% - 10,05%/năm.

❖ Tình hình công nợ hiện nay

Tình hình công nợ là chỉ tiêu quan trọng nhằm đánh giá tình hình sức khỏe tài chính các công ty. Công nợ doanh nghiệp thường bao gồm: các khoản phải thu, và các khoản phải trả.

➤ Các khoản phải thu



Bảng 11 – Các khoản phải thu

ĐVT giá trị: đồng

STT	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020
A	Các khoản phải thu ngắn hạn	36.663.373.388	31.009.861.239
1	Phải thu khách hàng	12.686.087.948	15.406.540.896
2	Trả trước cho người bán	23.977.285.440	15.770.882.583
3	Phải thu ngắn hạn khác	-	48.778.470
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(216.340.710)
B	Các khoản phải thu dài hạn	465.049.176	177.720.000
1	Phải thu dài hạn khác	465.049.176	177.720.000
	Tổng cộng	37.128.422.564	31.187.581.239

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

Nhìn chung, các khoản phải thu ngắn hạn chiếm phần lớn các khoản phải thu của Công ty, trong đó, các khoản trả trước cho người bán là lớn hơn cả. Nguyên nhân khoản trả trước cho người bán lớn là do nguồn nguyên vật liệu đầu vào của Công ty chủ yếu đến từ nhập khẩu, cho nên các đối tác cung ứng cần các khoản tạm ứng, trả trước đủ an toàn, để nhập hàng về. Hơn thế nữa, trong năm 2020, tình hình xuất nhập khẩu khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch, dẫn tới các nhà cung cấp yêu cầu có sự bổ sung lượng trả trước cao hơn để đảm bảo việc nhập hàng một cách liên tục và thông suốt, đặc biệt là các nhà cung cấp lâu năm như: công ty TNHH MTV đầu tư sản xuất Gia Thành. Trong các khoản phải thu khách hàng, khoản phải thu từ công ty TNHH Ngọc Long là lớn nhất, với trên 4,8 tỷ đồng, chiếm 31,37%, nhưng nếu xét trên mức doanh thu từ công ty này (khoảng 57,8 tỷ đồng) thì đây là một khoản phải thu khách hàng không lớn. Trong các đối tượng phải thu, CTCP thương mại và sản xuất Toàn An Khánh vừa là người bán, chuyên cung cấp vật liệu inox và hóa chất cho Công ty, vừa là người mua các sản phẩm inox của Công ty, chủ yếu là các sản phẩm như: phụ kiện inox gia công, cửa trượt, công xép điện và barrier chắn tự động, tuy nhiên, mức phải thu khác lớn, chỉ hơn 107 triệu.

➤ *Các khoản phải trả*

Bảng 12 – Các khoản phải trả

ĐVT giá trị: đồng

STT	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020
A	Nợ ngắn hạn	27.093.655.055	37.750.550.677
1	Phải trả người bán ngắn hạn	178.533.412	4.007.606.275
2	Người mua trả tiền trước	142.784.678	3.783.252.285
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà	751.418.927	215.844.706

	nước		
4	Phải trả người lao động	-	164.000.000
6	Phải trả ngắn hạn khác	42.394.041	43.284.087
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	25.978.523.988	29.536.563.324
B	Nợ dài hạn	2.128.952.425	0
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.128.952.425	0
	Tổng cộng	29.222.607.480	37.750.550.677

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

Các khoản phải trả của Công ty tính đến cuối năm 2020 chỉ có các khoản Nợ ngắn hạn, trong đó, chủ yếu là các khoản vay và nợ ngắn hạn, chiếm 78,24% tổng các khoản nợ ngắn hạn, điều này cho thấy nhu cầu sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp là rất lớn, và nguồn tài trợ chính là vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại.

❖ Các chỉ tiêu khác

Bảng 13 – Tình hình hàng tồn kho

ĐVT giá trị: đồng

STT	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020
1	Nguyên liệu vật liệu	16.371.113.446	25.978.210.076
2	Thành phẩm	447.807.472	86.278.866
3	Hàng hóa	-	5.511.551.360
4	Hàng hóa đang đi đường	795.734.553	-
5	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.201.998.882	809.091.824
	Tổng cộng	20.816.654.353	32.385.132.126

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

Trong cơ cấu hàng tồn kho 2019, nguyên liệu vật liệu vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất, 78,64%, tiếp theo là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, 15,39%. Vào cuối năm 2019, Công ty đã trúng thầu và ký kết hợp đồng gia công công trình cho 2 khách hàng là: công ty TNHH Koryo Geonjang, công ty TNHH Tritech Engineering. Công ty đã tiến hành xuất nguyên vật liệu ra công trường để sẵn sàng cho việc thi công và quyết toán vào năm 2020. Vì vậy xuất hiện chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trị giá hơn 3,2 tỷ đồng. Năm 2019 ghi nhận hàng hóa đi đường và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trong hàng tồn kho. Năm 2020, giá trị nguyên vật liệu trong hàng tồn kho tăng 58,68% so với năm 2019, bên cạnh đó ghi nhận hơn 5,5 tỷ đồng hàng hóa, giảm đột biến chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và không ghi nhận hàng hóa đang đi đường, đây là tình hình chung của nền kinh tế, khi hoạt động sản xuất bị đình trệ do ảnh hưởng từ đại dịch, và thương mại hàng hóa trở thành “cứ cánh” cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty không tiến hành trích lập dự phòng hàng tồn kho do hàng hóa và nguyên vật liệu trong kho dự trữ chủ yếu là các sản phẩm máy móc, gang tay cao su và vật liệu inox, với đặc tính rất

bền và khó bị hao hụt bởi tác động của môi trường, cùng với đó quy trình thu gom, lưu trữ, đánh giá và bảo quản hàng tồn kho theo kế hoạch. Quá trình nhập nguyên vật liệu và sản xuất đệm thường được thực hiện khi có đơn hàng đặt trước nên lượng dự trữ liên quan là rất ít. Với quy trình bảo quản hiệu quả và đặc tính sản phẩm như trên, Công ty không cần phải trích lập dự phòng tổn thất hàng tồn kho trong kỳ.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 14 – Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: <u>Tài sản ngắn hạn</u> Nợ ngắn hạn	Lần	2,19	1,90
- Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	1,42	1,04
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản (TTS)	%	35,69	40,33
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (VCSH)	%	55,51	67,61
3. Chỉ tiêu về năng lực tài chính			
- Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	Vòng	7,14	4,49
- Doanh thu thuần/TTS bình quân	Vòng	1,53	1,50
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số LNST/DTT	%	2,24	2,42
- Hệ số LNST/VCSH bình quân (ROE)	%	5,18	5,88
- Hệ số LNST/TTS bình quân (ROA)	%	3,42	3,64
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DTT	%	2,63	2,96

12. Tài sản

Bảng 16 – Tài sản

ĐVT giá trị: đồng

STT	Danh mục tài	Năm 2019	Năm 2020
-----	--------------	----------	----------

	sản	NG	GTCL	%GTC L	NG	GTCL	%GTC L
I	Nhà cửa vật kiến trúc	20.783.134 .183	16.407.957 .165	78,95	22.638.435 .334	16.872.484 .161	74,53
1	Nhà làm việc 3 tầng	1.489.670. 580	1.241.392. 149	83,33	1.489.670. 580	1.158.632. 673	77,78
2	Nhà bảo vệ	139.030.07 0	55.612.028	40,00	139.030.07 0	27.806.014	20,0
3	Nhà để ô tô	172.513.71 9	107.821.07 4	62,50	172.513.71 9	86.256.859	50,0
4	Nhà để xe đạp và xe máy	51.784.683	29.591.247	57,14	51.784.683	22.193.435	42,86
5	Nhà vệ sinh của khối văn phòng	301.457.58 8	172.261.47 6	57,14	301.457.58 8	129.196.10 9	52,86
6	Xưởng chính	4.469.032. 591	3.614.950. 807	80,89	4.469.032. 591	3.356.740. 035	75,11
7	Xưởng phụ 1	2.342.300. 275	1.814.880. 450	77,48	2.342.300. 275	1.821.789. 102	77,78
8	Xưởng phụ 2	4.808.956. 288	4.144.500. 019	86,18	4.808.956. 288	3.740.299. 335	77,78
9	Xưởng ngoài trời	309.176.29 5	251.205.74 1	81,25	309.176.29 5	231.882.22 2	75,0
10	Nhà hóa chất	210.089.80 0	105.044.89 8	50,00	210.089.80 0	70.029.933	33,33
11	Nhà kho + vệ sinh	956.711.86 4	478.355.92 9	50,00	956.711.86 4	318.903.95 4	33,33
12	Nhà cấp điện + cấp nước	40.888.076	-	-	40.888.076	-	-
13	Trạm biến áp dự phòng Tam Long	80.000.000	-	-	80.000.000	-	-
14	Trạm biến áp 220KV	51.575.000	-	-	51.575.000	-	-
15	Nền đường tuyến nội bộ	249.518.31 9	-	-	249.518.31 9	-	-
16	Phí nâng cấp nhà xưởng chính	3.467.338. 400	3.101.341. 575	89,44	3.467.338. 400	2.879.817. 171	83,06
17*	Chi phí san lấp mặt bằng	1.643.090. 635	1.290.999. 799	78,57	1.643.090. 635	1.173.636. 168	71,43

200383
CÔNG TY
PHÂN
JÁT VÀ
G MẠI
HÀNH
CỔ PHẦN

18	Phí nâng cấp nhà xưởng phụ, nhà xe, và nhà văn phòng làm việc	-	-	-	1.855.301. 151	1.855.301. 151	100
II	Máy móc thiết bị	490.000.00 0	431.666.66 7	88,10	2.145.495. 455	1.335.255. 659	62,24
1	Máy cuốn công suất 18.7 kw	35.000.000	30.833.330	88,10	35.000.000	25.833.333	73,81
2	Máy đánh bóng inox	35.000.000	30.833.330	88,10	35.000.000	25.833.333	73,81
3	Máy làm nhỏ đầu ống inox	90.000.000	79.285.710	88,10	90.000.000	66.428.571	73,81
4	Máy tạo hoa trên ống inox	90.000.000	79.285.710	88,10	90.000.000	66.428.571	73,81
5	Máy cắt mút tròn	80.000.000	70.476.190	88,10	80.000.000	59.047.619	73,81
6	Máy uốn lò xo	35.000.000	30.833.330	88,10	35.000.000	25.833.333	73,81
7	Máy cuốn công suất 22.2KW	125.000.00 0	110.119.05 0	88,10	125.000.00 0	92.261.905	73,81
8**	Bộ máy chặt hàn uốn	-	-	-	1.655.495. 455	973.588.99 4	58,81
III	Phương tiện vận tải	2.578.371. 692	1.326.105. 799	51,43	2.578.371. 692	1.287.787. 084	49,95
1	Xe 7 chỗ Acura	1.166.986. 286	816.890.39 6	70,00	1.166.986. 286	700.191.77 1	60,0
2	Xe For ranger	645.645.45 0	446.571.43 1	69,17	645.645.45 0	382.006.88 9	59,17
3	Xe tải Kia	250.441.81 8	-	-	250.441.81 8	-	-
4	Xe tải	302.419.09 0	62.643.968	20,71	302.419.09 0	19.441.238	6,43
5	Xe tải nhỏ Hyundai	106.439.52 4	-	-	106.439.52 4	-	-
6	Xe tải nhỏ Hyundai	106.439.52 4	-	-	-	-	-
7	Xe tải	-	-	-	195.454.54 5	186.147.18 6	95,24
	Tổng cộng	23.851.505 .875	18.165.729 .631	76,16	27.451.317 .502	19.495.526 .888	71,02

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

NG: Nguyên giá

GTCL: Giá trị còn lại

* Trình bày lại chi phí san lấp mặt bằng để xây dựng nhà xưởng trên 6.795,22 m² đất tại phường Đồng Hòa, huyện Kiến An, thành phố Hải Phòng.

** Chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính thành tài sản cố định của Công ty.

Bảng 17 – Tài sản cố định thuê tài chính

ĐVT giá trị: đồng

STT	Danh mục tài sản	Năm 2019			Năm 2020		
		NG	GTCL	% GTCL	NG	GTCL	% GTCL
1	Bộ máy chắt hàn uốn	1.655.495. 455	1.328.338. 020	80,22	-	-	-
2	Bộ máy nén khí và hàn chập	542.958.4 82	484.784.35 9	89,29	542.958.4 82	368.436. 113	67,86
3	Máy may trần AMD 90	400.000.0 00	380.952.38 1	95,24	400.000.0 00	295.238. 095	73,81
4	Máy tuốt dây thẳng	70.000.00 0	66.666.667	95,24	70.000.00 0	51.666.6 67	73,81
5	Xe nâng hàng	30.000.00 0	28.571.429	95,24	30.000.00 0	22.142.8 57	73,81
6	Máy xén kim loại Yunna	400.000.0 00	380.952.38 1	95,24	400.000.0 00	295.238. 095	73,81
7	Máy xén kim loại NP	300.000.0 00	285.714.28 6	95,24	300.000.0 00	221.428. 571	73,81
8	Máy ép thủy lực YAYA	600.000.0 00	571.428.57 1	95,24	600.000.0 00	442.857. 143	73,81
9	Máy hàn kim loại Daien	135.000.0 00	128.571.42 9	95,24	135.000.0 00	99.642.8 57	73,81
10	Máy đột dập kim loại Dobby	275.000.0 00	261.904.76 2	95,24	275.000.0 00	202.976. 190	73,81
11	Máy uốn ống GZHCH	100.000.0 00	95.238.095	95,24	100.000.0 00	73.809.5 24	73,81
12	Máy phay kim loại Ghambin	200.000.0 00	190.476.19 0	95,24	200.000.0 00	147.619. 048	73,81

13	Máy ép thủy lực AMADA	70.000.00 0	66.666.667	95,24	70.000.00 0	51.666.6 67	73,81
	TỔNG CỘNG	4.778.453. 937	4.270.265. 237	89,37	3.122.958 .482	2.272.72 1.835	72,77

(Nguồn: BCTC năm 2020 của CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

Bảng 18 – Tình hình tài sản của Công ty

STT	Tên tài sản	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Thời gian sử dụng	Hồ sơ pháp lý
1	Trụ sở Công ty	Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng	150	Nhà điều hành, khu văn phòng	30 năm	Hợp đồng thuê đất số 59 HĐ/TĐ, ngày 12/11/1999
2	Nhà xưởng chính	Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng	2.040	Sản xuất sản phẩm inox	30 năm	Hợp đồng thuê đất số 59 HĐ/TĐ, ngày 12/11/1999
3	Nhà xưởng phụ 1	Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng	586,5	Sản xuất đệm	30 năm	Hợp đồng thuê đất số 59 HĐ/TĐ, ngày 12/11/1999
4	Nhà xưởng phụ 2	Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng	637,5	Sản xuất phụ kiện và Kho chứa hàng	30 năm	Hợp đồng thuê đất số 59 HĐ/TĐ, ngày 12/11/1999
5	Nhà hóa chất	Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng	142	Đề đánh bóng, mài hàng inox	30 năm	Hợp đồng thuê đất số 59 HĐ/TĐ, ngày 12/11/1999

1:020
ĐỒNG
PHÁP
XUẤT
ĐỒNG M
KHÁNH
CỔ P

6	Cửa hàng giới thiệu sản phẩm	Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng	200	Trung bày và giới thiệu sản phẩm	30 năm	Hợp đồng thuê đất số 59 HĐ/TĐ, ngày 12/11/1999
7	Đất cho các công trình phụ trợ	Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng	500	Nhà bảo vệ, nhà xe, nhà vệ sinh...	30 năm	Hợp đồng thuê đất số 59 HĐ/TĐ, ngày 12/11/1999
8	Sân bãi, kho và xưởng ngoài trời	Số 131 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng	5.500	Tập kết hàng, kho phụ, và xuất hàng	30 năm	Hợp đồng thuê đất số 59 HĐ/TĐ, ngày 12/11/1999

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

Chỉ tiêu	Năm 2021(*)	
	Kế hoạch	% tăng giảm so với 2020
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	46,3	-
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	135	2,45%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	3,2	0,35%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	2,37	-
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn góp của chủ sở hữu bình quân (%)	6,91	-
Cổ tức (%)	5	-

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh)

(*) Hiện tại, ban lãnh đạo CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh đang theo dõi tình hình dịch bệnh Covid-19, nghiên cứu và tham khảo các báo cáo dự báo về nền kinh tế thế giới và Việt Nam trong năm 2021 và các năm tiếp theo, khả năng phục hồi các hoạt động xuất nhập khẩu toàn cầu, để xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh cho Công ty trong năm

2021. Tuy nhiên, kế hoạch này vẫn còn đang trong quá trình hoàn thiện, và chưa được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty thông qua.

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Mặc dù kế hoạch và các chỉ tiêu chưa được thông qua, nhưng ban lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng: bằng những lợi thế nội tại bên trong doanh nghiệp, cùng triển vọng phát triển của các lĩnh vực mà Công ty đang hoạt động, và sự quyết tâm của cán bộ công nhân viên của Công ty, thì mọi kế hoạch đặt ra đều có thể đạt được.

- Về lợi thế cạnh tranh mạng lưới khách hàng và hệ thống nhà phân phối: với một lịch sử hoạt động trên 20 năm, Công ty đã xây dựng cho mình một mạng lưới khách hàng rộng khắp các tỉnh miền Bắc tạo ra nguồn doanh thu ổn định và tăng đều qua các năm theo sự phát triển của các đối tác khách hàng, với mức tăng trưởng khoảng 5%/năm. Hơn thế nữa, hệ thống nhà phân phối lớn mạnh và có năng lực đã tạo điều kiện cho sản phẩm của Công ty có khả năng bao phủ các thị trường mục tiêu như: Lạng Sơn, Quảng Ninh, Thái Bình, Ninh Bình, Nam Định, Hà Nam, Bắc Ninh. Đây cũng là nguồn tìm kiếm khách hàng mới vô cùng hiệu quả của Công ty. Hiện tại, Công ty đang có 48 đại lý phân phối cấp 1, chuyên phân phối độc quyền sản phẩm của Công ty, và được phân bổ hợp lý để tăng độ bao phủ thị trường.
- Về triển vọng phát triển ngành: dự báo của các chuyên gia ngành đối với các mảng hoạt động của Công ty, trong tương lai gần, là rất khả quan với nhu cầu và mức độ tăng trưởng cao, cùng với đó là mức độ hấp dẫn vốn đầu tư trong và ngoài nước ấn tượng. Khi các hiệp định thương mại tự do phát huy hiệu lực của mình, đặc biệt là Hiệp định toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương CPTPP, giá cả nguyên vật liệu đầu vào của Công ty, được nhập khẩu từ các nước thành viên, sẽ giảm. Điều này giúp các doanh nghiệp cùng ngành nói chung và Công ty nói riêng Công ty có cơ hội xây dựng chính sách giá hợp lý hơn, thu hút nhiều hơn tập khách hàng tiềm năng, khách hàng mới.
- Về năng lực sản xuất: việc sử dụng máy móc thiết bị nhập khẩu với công nghệ tiên tiến, được lắp đặt thành dây chuyền đồng bộ và khoa học đã tạo ra rất nhiều lợi thế cho Công ty và sản phẩm của mình. Đi cùng với chất lượng sản phẩm đồng đều với độ tinh xảo và bền đẹp cao, khả năng tiết kiệm nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất, thì năng lực sản xuất của Công ty được đẩy mạnh. Hiện tại, công suất hoạt động trung bình của các xưởng sản xuất chỉ mới đạt ở mức 70% - 75%, như vậy, còn rất nhiều tiềm năng hoạt động, sẵn sàng đáp ứng các đơn hàng mới phát sinh trong năm 2019 và các năm tiếp theo.
- Về các giải pháp thực hiện, ban lãnh đạo Công ty đang triển khai các giải pháp mang tính định hướng lâu dài, cụ thể là:
 - Ban lãnh đạo Công ty chỉ đạo tiếp tục tập trung vào các lĩnh vực hoạt động thế mạnh của Công ty, bao gồm: thương mại hạt nhựa, hóa chất; và sản xuất đồ inox, nghiên cứu các dòng sản phẩm mới theo nhu cầu thay đổi của khách hàng, với mục đích chuyên sâu hóa hoạt động truyền thống của mình, và trở thành một trong những công ty hàng đầu trong

lĩnh vực hoạt động trên thị trường Việt Nam. Vì vậy, Công ty tạm thời chưa có kế hoạch đầu tư vào các lĩnh vực khác.

- Xây dựng mạng lưới nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào rộng rãi và có năng lực, đảm bảo lợi thế về nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định. Giám sát quản lý chất lượng từ khâu nhập các yếu tố đầu vào đến khâu sản xuất và vận chuyển đến địa điểm kinh doanh, dự trữ của khách hàng, nhằm đảm bảo sản phẩm hàng hóa luôn được giữ trong tình trạng chất lượng tốt nhất, để phục vụ cho nhu cầu của khách hàng và đối tác, đồng thời, giúp giảm thiểu tối đa mức độ hao mòn, hỏng hóc, và các chi phí liên quan tới việc phục hồi chất lượng sản phẩm hoặc tiêu hủy sản phẩm, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh. Từ đó nâng cao uy tín và hình ảnh của Công ty trên thị trường.
- Xây dựng chính sách hợp lý, khuyến khích hệ thống đại lý hoạt động hiệu quả, cùng hướng tới mục tiêu phát triển của Công ty. Thúc đẩy các đại lý nỗ lực tăng cường khả năng nhận diện thương hiệu và sản phẩm của Công ty trong tâm trí khách hàng, cùng với đó, chủ động thực hiện các hoạt động thâm nhập thị trường mới, mở rộng tập khách hàng tiềm năng, kết hợp với kế hoạch marketing của Công ty.
- Làm tốt công tác nghiên cứu thị trường nhằm bám sát thị trường, tập trung vào những thị trường trọng điểm có sức tiêu thụ lớn, đồng thời, tiếp tục triển khai các chương trình marketing truyền thông phù hợp với đặc thù của lĩnh vực hoạt động nhằm mở rộng và phát triển thêm thị trường ra các vùng, khu vực khác có tiềm năng, đặc biệt là các thị trường nông thôn. Tăng cường tiếp thị sản phẩm, phát triển các kênh phân phối và hệ thống bán hàng trong khu vực miền Bắc, nghiên cứu, tạo tiền đề mở rộng sang các tỉnh miền Trung và Bắc Trung bộ.
- Thực hiện chính sách sản xuất dự trữ, lưu kho hợp lý, đảm bảo chất lượng của nguyên nhiên vật liệu, hàng hóa và thành phẩm lưu kho, giảm thiểu tối đa sự hao mòn diễn ra trong quá trình lưu trữ, đồng thời, vẫn đáp ứng tốt, kịp thời và chính xác nhu cầu của thị trường và khách hàng mục tiêu, tối ưu hóa hàng tồn kho.
- Tăng cường công tác quản lý máy móc trang thiết bị sản xuất, khuyến khích đội ngũ kỹ thuật và công nhân nghiên cứu các công nghệ tiên tiến trên thế giới, có những ý tưởng phát triển công nghệ mới của riêng mình và đề cao khả năng triển khai ứng dụng thử nghiệm trên thực tế. Cùng với đó là sự quan sát, nghiên cứu và học hỏi các công nghệ của đối thủ cạnh tranh, để từ đó đưa ra được những chiến lược kinh doanh phù hợp.
- Về nguồn nhân lực: Công ty có đội ngũ cán bộ quản lý có kinh nghiệm lãnh đạo, đội ngũ chuyên gia kỹ thuật có trình độ, năng lực, kiến thức chuyên sâu về công nghệ cao sản xuất và đội ngũ công nhân năng động, lành nghề. Công ty luôn chủ động, sáng tạo, hợp lý hóa quy trình sản xuất, khai thác các thị trường có lợi thế để nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm. Đồng thời, triển khai các hoạt động marketing hiệu quả nhằm mở rộng thêm thị phần.

- Về chi phí cấu thành nên giá thành sản phẩm dịch vụ: Công ty đang tiếp tục tiến hành kiện toàn lại bộ máy tổ chức và hoạt động theo hướng tinh gọn các phòng ban, chuyên môn hóa các công đoạn/các khâu trong sản xuất để giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động, đồng thời, luôn nêu cao tinh thần tiết kiệm và an toàn trong quá trình sản xuất.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng
Không có.

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

- Ban lãnh đạo Công ty tiếp tục định hướng phát triển Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh theo hướng tập trung vào các lĩnh vực và sản phẩm truyền thống, có thể mạnh bao gồm: sản xuất các sản phẩm inox và đẽm, cùng với thương mại các mặt hàng thép không gỉ, hóa chất, hạt nhựa, và vải tấm; Đồng thời, nghiên cứu thêm các sản phẩm mới, các cơ hội và thị trường tiềm năng mới, giúp đa dạng hóa danh mục và hỗ trợ thêm cho Công ty trong quá trình phát triển theo định hướng đã đề ra.
- Chiến lược phát triển của Công ty sẽ là tập trung đầu tư hướng tới thị trường, thông qua thực hiện các hoạt động nghiên cứu thị trường, đánh giá các đối tác tiêu thụ, các phân khúc thị trường, các chính sách giá linh hoạt, chính sách marketing phù hợp, ... và xây dựng một hình ảnh tốt trong tâm trí khách hàng. Việc thực hiện tốt chiến lược này sẽ góp phần hỗ trợ tích cực cho chiến lược phát triển và mở rộng thị trường trong nước, tập trung vào thị trường các tỉnh lân cận Thành phố Hải Phòng, và tìm kiếm thị trường nước ngoài cho các sản phẩm thế mạnh, đặc biệt là các dòng sản phẩm đẽm cao cấp. Thêm vào đó, xu hướng hội nhập quốc tế của Việt Nam đã mở ra thị trường rộng lớn cho tất cả các sản phẩm nội địa, trong đó có các sản phẩm của Công ty, do đó, ban lãnh đạo Công ty cũng nhận thức rõ ràng rằng: việc tận dụng những cơ hội này đặt ra yêu cầu phải có chiến lược đầu tư cho thị trường đúng đắn.
- Đầu tư cải tiến kỹ thuật sản xuất, xen kẽ với việc phổ biến, đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân sản xuất, trước hết là những kỹ thuật và công nghệ có khả năng tiếp cận nhanh, tạo điều kiện cho việc nâng cao năng suất lao động và sản lượng sản xuất một cách bền vững.
- Một trong những chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty là đảm bảo cơ cấu tài sản và nợ phù hợp với hoàn cảnh của thị trường và đặc điểm của ngành nghề kinh doanh. Công ty vẫn sử dụng các công cụ tài chính như vay nợ ngân hàng hoặc sử dụng sản phẩm thuê tài chính để có được tài sản phục vụ sản xuất kinh doanh, tuy nhiên, khi có khả năng về tài chính, Công ty cũng luôn muốn giảm tỷ trọng nợ xuống ở mức chấp nhận được, nhằm tránh những tác động tiêu cực từ biến động trong ngành tài chính, và đảm bảo “sức khỏe tài chính” của Công ty ổn định.

N:020

ÔNG
PH
XU
ÔNG
NG KH

TY CỔ

- Hợp tác kinh doanh cũng nằm trong chiến lược và định hướng phát triển của Công ty. Ban lãnh đạo Công ty cũng không ngừng tìm kiếm các cơ hội hợp tác kinh doanh trong những dự án tốt thuộc nhiều lĩnh vực. Hoạt động hợp tác kinh doanh, ngoài việc sẽ giúp tăng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, còn giúp tăng cường năng lực và kinh nghiệm quản lý của đội ngũ lãnh đạo, đồng thời, cũng giúp cho Công ty có thể phát hiện ra những hướng phát triển mới trong lĩnh vực hoạt động mới. Chiến lược này sẽ hỗ trợ tốt cho các chiến lược phát triển thị trường và sản phẩm của Công ty.

16. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty (nếu có)
Không có.

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Danh sách Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

1. Hội đồng quản trị

Bảng 19 – Cơ cấu thành phần Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú	Ngày bổ nhiệm
1	Bùi Thị Yến	Chủ tịch HĐQT	Thành viên điều hành	04/12/2020
2	Phạm Văn Hiếu	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành	04/12/2020
3	Phạm Thị Khánh Ly	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành	06/04/2018
4	Phạm Tùng Linh	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành	06/04/2018
5	Đào Nhật Trường	Thành viên HĐQT	Thành viên độc lập	04/12/2020
6	Phạm Xuân Trường	Thành viên HĐQT	Thành viên độc lập	14/02/2019

1.1. BÙI THỊ YẾN

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 25/09/1963
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: số 131 Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng
- Số CMND: 031069328 Ngày cấp: 11/01/2013 Tại: Hải Phòng
- Điện thoại liên lạc : 0904045045
- Trình độ chuyên môn : cử nhân chuyên ngành hóa sinh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT – Phó giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/2000 – 10/2017	Công ty TNHH Tùng Khánh	Phó giám đốc
10/2017 – 12/2020	CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Phó giám đốc Thành viên HĐQT
12/2020 - nay	CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Chủ tịch HĐQT Phó giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 215.000 cổ phiếu, chiếm 4,64% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
1	Phạm Văn Hiếu	Chồng	1.000	0,02%
2	Phạm Thị Khánh Ly	Con gái	200.000	4,32%
3	Phạm Tùng Linh	Con trai	215.000	4,64%
4	Bùi Thị Chiến	Em gái	200	0,004%
5	Tô Văn Thắng	Em rể	200	0,004%
6	Bùi Thị Thu Hà	Em gái	200	0,004%
7	Bùi Đỗ Hiền	Em trai	200	0,004%
8	Bùi Thị Ngọc Trâm	Em dâu	200	0,004%
	TỔNG CỘNG		417.000	9,0%

- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Thù lao và lợi ích khác: không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

1.2. PHẠM VĂN HIẾU

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 20/01/1961
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: số 131 Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng
- Số CMND: 030187280 Ngày cấp: 10/02/2012 Tại: Hải Phòng
- Điện thoại liên lạc : 0913241090

- Trình độ chuyên môn : cử nhân chuyên ngành quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/2000 – 10/2017	Công ty TNHH Tùng Khánh	Giám đốc
10/2017 – 4/12/2020	CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Chủ tịch HĐQT
5/12/2020	CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phiếu, chiếm 0,02% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
1	Bùi Thị Yến	Vợ	215.000	4,64%
2	Phạm Thị Khánh Ly	Con gái	200.000	4,32%
3	Phạm Tùng Linh	Con trai	215.000	4,64%
4	Vũ Thị Hồng	Em dâu	200	0,004%
5	Phạm Văn Giao	Em trai	300	0,006%
6	Nguyễn Thị Phương	Em dâu	200	0,004%
7	Phạm Văn Hải	Em trai	200	0,004%
8	Phạm Thị Nga	Em gái	200	0,004%
	TỔNG CỘNG		631.100	13,63%

- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Thù lao và lợi ích khác: không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

1.3. PHẠM THỊ KHÁNH LY

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 08/08/1984
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Chung cư Golden Field, A2 đường Nguyễn Cơ Thạch, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Số CMND: 031184004421 Ngày cấp: 05/05/2016
Tại: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

- Điện thoại liên lạc : 0904208298
- Trình độ chuyên môn : thạc sĩ chuyên ngành điện tử viễn thông
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Trung tâm ngoại ngữ trẻ em Xoe Tròn; Giám đốc điều hành Trường tiểu học & THCS FPT
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2011 – 06/2015	Trường đại học FPT	Cán bộ phát triển chương trình
10/2014 – 06/2015	Trường đào tạo cán bộ FPT	Cán bộ phát triển chương trình
07/2015 – nay	Trung tâm ngoại ngữ trẻ em Xoe Tròn	Giám đốc
06/2017 – nay	Trường tiểu học & THCS FPT	Giám đốc điều hành
10/2017 – nay	CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 200.000 cổ phiếu, chiếm 4,32% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
1	Phạm Văn Hiếu	Bố	1.000	0,02%
2	Bùi Thị Yến	Mẹ	215.000	4,64%
3	Trần Thị Vân	Mẹ chồng	200.100	4,32%
4	Phạm Toàn Vinh	Chồng	200	0,004%
5	Phạm Tùng Linh	Em trai	215.000	4,64%
	TỔNG CỘNG		431.200	9,3%

- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Thù lao và lợi ích khác: không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

1.4. PHẠM TÙNG LINH

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 21/01/1991
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Quốc tịch : Việt Nam

S. N: 0
 CÔNG
 CỔ PH
 N XUA
 LONG
 NG KHÁ
 Y CỐ P

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: số 131 Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Hải Phòng
- Số CMND: 031695394 Ngày cấp: 11/10/2007 Tại: Hải Phòng
- Điện thoại liên lạc : 0936661362
- Trình độ chuyên môn : cử nhân chuyên ngành quản trị kinh doanh;
Thạc sĩ chuyên ngành tài chính
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT – Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/2015 – 10/2016	Trường đại học FPT	Cán bộ quản lý chất lượng
11/2016 – 09/2017	Công ty TNHH Tùng Khánh	Thanh tra chất lượng
10/2017 – nay	CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Giám đốc Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 215.000 cổ phiếu, chiếm 4,63% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
1	Phạm Văn Hiếu	Bố	1.000	0,02%
2	Bùi Thị Yên	Mẹ	215.000	4,64%
3	Phạm Thị Khánh Ly	Chị gái	200.000	4,32%
4	Phạm Toàn Vinh	Anh rể	200	0,004%
	TỔNG CỘNG		416.200	8,98%

- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Thù lao và lợi ích khác: không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

1.5. ĐÀO NHẬT TRƯỜNG

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10/08/1998
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 36 Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng

- Số CMND: 031098004030 Ngày cấp: 03/08/2017
- Tại: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Điện thoại liên lạc : 0337374422
- Trình độ chuyên môn : Đại học
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT độc lập
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2013 – 2016	Trường THPT An Hải	Học Sinh
2016 – 2020	Đại Học Hàng Hải	Sinh viên
12/2020 – nay	CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 200 cổ phiếu, chiếm 0,004% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
1	Bùi Thị Thu Hà	Mẹ	200	0,004%
2	Đào Thị Khuyên	Chị gái	100.000	2,16%
	TỔNG CỘNG		100.200	2,16%

- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Thù lao và lợi ích khác: không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

1.6. PHẠM XUÂN TRƯỜNG

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 02/08/1989
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: tổ 7, phường Trần Thành Ngọ, quận Kiến An, Hải Phòng

- Số CMND: 031089005760 Ngày cấp: 22/06/2017
Tại: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Điện thoại liên lạc : 0705609251
- Trình độ chuyên môn : cao đẳng chuyên ngành quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT độc lập
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/2018 – nay	Tự doanh xưởng cơ khí	-
02/2020 – nay	CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 200 cổ phiếu, chiếm 0,004% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Thù lao và lợi ích khác: không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

2. Ban kiểm soát

Hình 20 – Cơ cấu thành phần Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Nguyễn Thị Liên	Trưởng BKS	14/02/2020
2	Nguyễn Thị Hương	Thành viên BKS	06/04/2018
3	Nguyễn Thị Huyền	Thành viên BKS	06/04/2018

2.1. NGUYỄN THỊ LIÊN

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 23/12/1986
- Nơi sinh : Quỳnh Hợp, Nghệ An
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp, Nghệ An
- Số CMND: 040186002193 Ngày cấp: 27/06/2019
Tại: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Điện thoại liên lạc : 0947793932



- Trình độ chuyên môn : chuyên ngành kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát – Nhân viên kho vận
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/2011 – 10/2017	Công ty TNHH Tùng Khánh	Kế toán kho
10/2017 – 12/2019	CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Kế toán kho
01/2020 – nay	CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Nhân viên kho vận Trưởng BKS

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 200 cổ phiếu, chiếm 0,004% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Thù lao và lợi ích khác: không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

2.2. NGUYỄN THỊ HƯƠNG

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 25/10/1988
- Nơi sinh : Bắc Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Kha Lâm 6, phường Nam Sơn, quận Kiến An, Hải Phòng
- Số CMND: 031947054 Ngày cấp: 08/06/2012 Tại: Hải Phòng
- Điện thoại liên lạc : 0904278958
- Trình độ chuyên môn : cử nhân chuyên ngành quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/2011 – 10/2017	Công ty TNHH Tùng Khánh	Nhân viên kinh doanh
10/2017 – nay	CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Nhân viên kinh doanh
04/2018 – nay	CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Thành viên BKS Nhân viên

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 300 cổ phiếu, chiếm 0,006% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Thù lao và lợi ích khác: không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

2.3. NGUYỄN THỊ HUYỀN

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 20/10/1987
- Nơi sinh : Hải Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Thăng Long, huyện Kinh Môn, Hải Dương
- Số CMND: 142257087 Ngày cấp: 17/02/2009 Tại: Hải Dương
- Điện thoại liên lạc : 01695772800
- Trình độ chuyên môn : chuyên ngành kế toán doanh nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên BKS
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/2010 – 10/2017	Công ty TNHH Tùng Khánh	Thủ kho
10/2017 – nay	CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Thủ kho
04/2018 – nay	CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Thành viên BKS Thủ kho

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 200 cổ phiếu, chiếm 0,004% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan: Nguyễn Thị Thanh, em ruột, sở hữu 200 cổ phiếu, chiếm 0,004% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Thù lao và lợi ích khác: không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

3. Giám đốc và các cán bộ quản lý

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
-----	-----------	---------	---------

1	Phạm Tùng Linh	Giám đốc	Sơ yếu lý lịch ông Phạm Tùng Linh xem ở mục 1.4.
2	Bùi Thị Yến	Phó giám đốc	Sơ yếu lý lịch bà Bùi Thị Yến xem ở mục 1.1.
3	Phạm Thúy Nga	Kế toán trưởng	

Sơ yếu lý lịch của bà PHẠM THÚY NGA

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 04/05/1979
- Nơi sinh : Quảng Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 121 Lý Hồng Nhật, Khu 2 Cát Bi, huyện Hải An, Hải Phòng
- Số CMND: 031878494 Ngày cấp: 18/05/2011 Tại: Hải Phòng
- Điện thoại liên lạc : 0913587934
- Trình độ chuyên môn : chuyên ngành kế toán doanh nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/2002 – 05/2010	Công ty TNHH Tùng Khánh	Kế toán viên
05/2010 – 10/2017	CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Kế toán trưởng
10/2017 – nay	CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 300 cổ phiếu, chiếm 0,006% tổng số cổ phiếu đang lưu hành;
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu;
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu.
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Thù lao và lợi ích khác: không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Ngày 14/02/2020, Công ty đã tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, trong đó thông qua kết quả bầu cử và danh sách thành viên HĐQT của Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2024; thông qua kết quả bầu cử và danh sách thành viên BKS của Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2024; thông qua Báo cáo tài chính (đã kiểm toán) năm 2018 và 2019; thông qua Điều lệ năm 2020 của

Công ty; thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2019 – 2020; ủy quyền cho HĐQT thực hiện một số công việc liên quan.

Để tăng cường kế hoạch quản trị công ty, Công ty sẽ triển khai xây dựng các quy chế quản trị phù hợp với các quy định về quản trị Công ty áp dụng cho công ty đại chúng và Điều lệ Công ty. Các quy định nhằm mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty. Quy chế quản trị cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Tùng Khánh. Các nguyên tắc quản trị công ty được công ty xây dựng trong quy chế quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông ;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của công ty;
- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát công ty có hiệu quả.

5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

TT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị					
1	Bùi Thị Yến	-	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc	215.000	4,64%	
1.1	Bùi Đỗ Giác	-	-	0	0%	Bố đẻ
1.2	Nguyễn Thị Lúy	-	-	0	0%	Mẹ đẻ
1.3	Phạm Văn Đáp	-	-	0	0%	Bố chồng
1.4	Trịnh Thị Vinh	-	-	0	0%	Mẹ chồng
1.5	Phạm Văn Hiếu	-	Thành viên HĐQT	1.000	0,02%	Chồng
1.6	Phạm Thị Khánh Ly	-	Thành viên HĐQT	200.000	4,32%	Con gái
1.7	Phạm Tùng Linh	-	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	215.000	4,64%	Con trai
1.8	Bùi Thị Chiến	-	-	200	0,004%	Em ruột
1.9	Tô Văn Thắng	-	-	200	0,004%	Em rể
1.10	Bùi Thị Thu Hà	-	-	200	0,004%	Em ruột



1.11	Đình Văn Ngọc	-	-	0	0%	Em rể
1.12	Bùi Đỗ Hiền	-	-	200	0,004%	Em ruột
1.13	Bùi Thị Ngọc Trâm	-	-	200	0,004%	Em dâu
2	Phạm Văn Hiếu	-	Thành viên HĐQT	1.000	0,02%	
2.1	Phạm Văn Đáp	-	-	0	0%	Bố đẻ
2.2	Trịnh Thị Vinh	-	-	0	0%	Mẹ đẻ
2.3	Bùi Đỗ Giác	-	-	0	0%	Bố vợ
2.4	Nguyễn Thị Lúy	-	-	0	0%	Mẹ vợ
2.5	Bùi Thị Yến	-	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc	215.000	4,64%	Vợ
2.6	Phạm Thị Khánh Ly	-	Thành viên HĐQT	200.000	4,32%	Con gái
2.7	Phạm Tùng Linh	-	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	215.000	4,64%	Con trai
2.8	Phạm Văn Hiền	-	-	-	-	Anh ruột (đã mất)
2.9	Vũ Thị Hồng	-	-	200	0,004%	Chị dâu
2.10	Phạm Văn Giao	-	-	300	0,006%	Em ruột
2.11	Nguyễn Thị Phượng	-	-	200	0,004%	Em dâu
2.12	Phạm Văn Hải	-	-	200	0,004%	Em ruột
2.13	Bùi Thị Hoa	-	-	0	0%	Em dâu
2.14	Phạm Thị Nga	-	-	200	0,004%	Em ruột
2.15	Ngô Xuân Dúy	-	-	0	0%	Em rể
3	Phạm Thị Khánh Ly	-	Thành viên HĐQT	200.000	4,32%	
3.1	Phạm Văn Hiếu	-	Thành viên HĐQT	1.000	0,02%	Bố đẻ
3.2	Bùi Thị Yến	-	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	215.000	4,64%	Mẹ đẻ
3.3	Phạm Vi	-	-	-	-	Bố chồng (đã mất)
3.4	Trần Thị Vân	-	-	200.100	4,32%	Mẹ chồng
3.5	Phạm Toàn Vinh	-	-	200	0,004%	Chồng
3.6	Phạm Tùng Linh	-	-	215.000	4,64%	Em ruột

00383
 3 TY
 HÂN
 JÁT VÀ
 IG MAI
 KHÁNH
 Y CỐ PH

3.7	Phạm Thị Khánh An	-	-	-	-	Con đẻ (còn nhỏ)
3.8	Phạm Thị Khánh Chi	-	-	-	-	Con đẻ (còn nhỏ)
4	Phạm Tùng Linh	-	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	215.000	4,64%	
4.1	Phạm Văn Hiếu	-	Thành viên HĐQT	1.000	0,02%	Bố đẻ
4.2	Bùi Thị Yến	-	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	215.000	4,64%	Mẹ đẻ
4.3	Phạm Thị Khánh Ly	-	Thành viên HĐQT	200.000	4,62%	Chị ruột
4.4	Phạm Toàn Vinh	-	-	200	0,004%	Anh rể
5	Đào Nhật Trường	-	Thành viên HĐQT	200	0,004%	
5.1	Đào Văn Khải	-	-	0	0%	Bố đẻ
5.2	Bùi Thị Thu Hà	-	-	200	0,004%	Mẹ đẻ
5.3	Đào Thị Khuyên	-	-	100.000	2,16%	Chị ruột
5.4	Đỗ Hồng Thắng	-	-	0	0%	Anh rể
6	Phạm Xuân Trường	-	Thành viên HĐQT	200	0,004%	
6.1	Phạm Văn Cương	-	-	0	0%	Bố đẻ
6.2	Vũ Thị Thường	-	-	0	0%	Mẹ đẻ
6.3	Phạm Xuân Sơn	-	-	0	0%	Em ruột
II	Ban Giám đốc					
1	Phạm Tùng Linh (Như trên)	-	Giám đốc	215.000	4,64%	
2	Bùi Thị Yến (Như trên)	-	Phó Giám đốc	215.000	4,64%	
III	Ban Kiểm soát					
1	Nguyễn Thị Liên	-	Trưởng Ban Kiểm soát	200	0,004%	
1.1	Nguyễn Văn Khoái	-	-	0	0%	Bố đẻ
1.2	Đỗ Thị Tua	-	-	0	0%	Mẹ đẻ
1.3	Hoàng Thị Cùi	-	-	0	0%	Mẹ chồng
1.4	Nguyễn Văn Phụng	-	-	0	0%	Chồng

1.5	Nguyễn Hoàng Tùng Anh	-	-	-	-	Con đẻ (còn nhỏ)
1.6	Nguyễn Hoàng Tùng Linh	-	-	-	-	Con đẻ (còn nhỏ)
1.7	Nguyễn Quang Huy	-	-	0	0%	Anh ruột
1.8	Phạm Thị Hiền	-	-	0	0%	Chị dâu
1.9	Nguyễn Thị Thanh Loan	-	-	0	0%	Chị ruột
1.10	Đậu Văn Hà	-	-	0	0%	Anh rể
2	Nguyễn Thị Hương	-	Thành viên ban kiểm soát	300	0,006%	
2.1	Nguyễn Ngọc Thảo	-	-	0	0%	Bố đẻ
2.2	Chu Thị Thủy	-	-	0	0%	Mẹ đẻ
2.3	Nguyễn Văn Tạnh	-	-	0	0%	Bố chồng
2.4	Phạm Thị Tươi	-	-	0	0%	Mẹ chồng
2.5	Nguyễn Văn Nguyễn	-	-	0	0%	Chồng
2.6	Nguyễn Minh Hải	-	-	-	-	Con ruột (còn nhỏ)
2.7	Nguyễn Minh Tuấn	-	-	-	-	Con ruột (còn nhỏ)
2.8	Nguyễn Thị Hoa	-	-	0	0%	Em ruột
2.9	Tổng Văn Nhẫn	-	-	0	0%	Em rể
2.10	Nguyễn Thị Huệ	-	-	0	0%	Em ruột
2.11	Phạm Thanh Hải	-	-	0	0%	Em rể
3	Nguyễn Thị Huyền	-	Thành viên ban kiểm soát	200	0,004%	
3.1	Nguyễn Đức Thiêng	-	-	0	0%	Bố đẻ
3.2	Trần Thị Lợi	-	-	0	0%	Mẹ đẻ
3.3	Nguyễn Văn Hà	-	-	0	0%	Bố chồng
3.4	Nguyễn Thị Sợi	-	-	0	0%	Mẹ chồng
3.5	Nguyễn Đức Phong	-	-	0	0%	Chồng
3.6	Nguyễn Thị Thanh	-	-	200	0,004%	Em ruột
3.7	Nguyễn Văn Hiệp	-	-	0	0%	Em rể
3.8	Nguyễn Đức Thông	-	-	0	0%	Em ruột
IV	Kế toán trưởng					
1	Phạm Thúy Nga	-	Kế toán trưởng	300	0,006%	

1.1	Phạm Xuân Hạnh	-	-	0	0%	Bố đẻ
1.2	Nguyễn Thị Ưa	-	-	0	0%	Mẹ đẻ
1.3	Nguyễn Xuân Tám	-	-	-	-	Bố chồng (đã mất)
1.4	Bùi Thị Hợi	-	-	0	0%	Mẹ chồng
1.5	Nguyễn Anh Tuấn	-	-	0	0%	Chồng
1.6	Nguyễn Phạm Ngọc Linh	-	-	-	-	Con ruột (còn nhỏ)
1.7	Nguyễn Anh Tú	-	-	-	-	Con ruột (còn nhỏ)
1.8	Phạm Xuân Thắng	-	-	0	0%	Anh ruột
1.9	Bùi Thị Hồng	-	-	0	0%	Chị dâu
1.10	Phạm Xuân Chiến	-	-	0	0%	Anh ruột
1.11	Phạm Thị Kim Oanh	-	-	0	0%	Em ruột
1.12	Nguyễn Văn Tạo	-	-	0	0%	Em rể
1.13	Phạm Minh Yên	-	-	0	0%	Em ruột
1.14	Vũ Văn Tiệp	-	-	0	0%	Em rể
V	Người được ủy quyền công bố thông tin					
1	Bùi Thị Nhung	Phó phòng kinh doanh	Người được ủy quyền CBTT	300	0,006%	
1.1	Bùi Văn Huyền	-	-	0	0%	Bố đẻ
1.2	Hà Thị Xen	-	-	0	0%	Mẹ đẻ
1.3	Nguyễn Văn Lâm	-	-	0	0%	Bố chồng
1.4	Nguyễn Thị Nhã	-	-	0	0%	Mẹ chồng
1.5	Nguyễn Văn Năm	-	-	0	0%	Chồng
1.6	Bùi Văn Giáp	-	-	0	0%	Em ruột
1.7	Lưu Thị Thủy	-	-	0	0%	Em dâu
1.8	Bùi Thị Dịu	-	-	0	0%	Em ruột
1.9	Nguyễn Bình Dương	-	-	0	0%	Em rể

7. Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

- ❖ **Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:**

Năm 2020

Năm 2019

Ông Phạm Văn Hiếu

**Nguyên Chủ tịch HĐQT (đã miễn nhiệm
từ ngày 04/12/2020)**

	Năm 2020	Năm 2019
Hoàn trả vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh		
Nhận lại vốn góp	-	13.700.000.000
	-	2.283.330.000
Bà Bùi Thị Yên		
<i>Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc (được bầu làm Chủ tịch HĐQT từ ngày 04/12/2020)</i>		
Nhận lại vốn góp	-	1.495.580.000
Ông Phạm Tùng Linh		
<i>Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc</i>		
Nhận lại vốn góp	-	1.963.660.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
Phạm Văn Hiếu	64.000.000	54.000.000
Phạm Tùng Linh	138.626.922	84.011.539
Bùi Thị Yên	143.674.999	78.128.847
Phạm Thúy Nga (Kế toán trưởng)	95.454.328	40.480.000
Cộng	441.756.249	256.620.386

❖ **Giao dịch với các bên liên quan khác: Không có**

III. PHỤ LỤC

- Phụ lục 1** : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Phụ lục 2 : Điều lệ Công ty
Phụ lục 3 : Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty

IV. CAM KẾT

Các thông tin trên do Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Tùng Khánh cung cấp và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản tóm tắt thông tin này.

2003
 STY
 HAN
 AT VA
 MA
 NH
 PHAN

Hải Phòng, ngày 29 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH

Chủ tịch HĐQT



Bùi Thị Yến

Giám đốc




Phạm Tùng Linh

Trưởng BKS



Nguyễn Thị Liên

Kê toán trưởng



Phạm Thúy Nga

